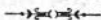


PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ, N 73 Rickaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-dinh-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-zô
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

CÙNG CÁC GIÁO HỮU XA GẦN

Mới đây cụ Hiệp Nguyễn là Chánh Hội-Trưởng Hội Bắc-kỳ Phật-giáo ngẫu nhiên bị yếu, bệnh thể có phần trầm trọng, đến nỗi các thân quyến đã hơi lơ ngại và các giáo hữu gần xa cũng đem lòng áy náy, hoặc về tận nơi thăm nom, hoặc gửi thư về thăm hỏi rất nhiều.

Sau một độ thuốc thang điều dưỡng, hiện nay nhờ ơn Phật tổ phù hộ bệnh thể của cụ đã mười phần giảm được đến 5, 6 và chỉ tinh dưỡng trong ít lâu nữa thì lại được bình phục như thường.

Vậy bản báo xin báo tin để các giáo hữu gần xa cũng biết và xin thành khấn cầu nguyện Phật tổ độ trì cho cụ chóng được lành mạnh, để cùng các giáo hữu đề huề tiến hành công việc của hội.

Tòa-soạn Đuốc-Tuệ

TIN CÁC HỘI - VIÊN QUÁ CỠ

Phạm thị Châu 81 tuổi xã Tế sơn tổng Đông Đồi huyện Chí linh viên tịch ngày 27-7-38

Mme Phạm thị Bút, ở Cồ Am (Haidương) viên tịch ngày 20-7-38.

Mme Trương thị Đồng. Doudart de Lagrée Hanoi viên tịch ngày 4-8-37.

M. Phạm đình Xá N. 28 ngõ 24 gian Hanoi viên tịch ngày 7 8-38.

M. Henri Saccone ở Sầm sơn (Thanh hóa) viên tịch ngày 28 tháng 5 ta.

TINH-THÂN PHẬT-GIÁO

VỚI THANH-NIÊN VIỆT-NAM NGÀY NAY

Thanh niên là chủ nhân óng của xã-hội tương-lai. Thanh-niên có hay có giỏi thì xã-hội mới mong tiến-hóa, nếu thanh-niên mà hư hèn thì xã-hội tất bị rớt lùi. Ai mà chẳng công nhận như thế. Thế cho nên trông thấy cái hiện trạng trụy lạc của thanh-niên ta từ mấy năm gần đây người có tâm với tiền đồ xã-hội, ai mà không phải lo sợ, không phải bi-quan.

Đối với cái hiểm-lượng của thanh-niên ta trên ấy, thậm chí có nhiều người vốn hằng hái chuông mới mà nay cũng phải thoắt chí, bị trượt vì vô dũa, thấy vô dũa vội tránh, mà đổ tội cho là do cái văn minh vật chất nó quyến rũ, nó đưa giắt thanh niên ta vào con đường hắc ám. Song về phần tôi, tôi cho người nghĩ như thế là lầm. Tôi cho cách đổ tội ấy cũng như thấy đứa trẻ chơi con dao sắc bị đứt tay, bèn đổ tội cho tại con dao sắc. Không biết rằng người ta sợ dĩ chẻ ra được con dao sắc kia không phải là dễ, mà chẻ ra cốt để cho người lớn có đủ khôn khéo dùng nó mà tạo nên công nọ việc kia. Đó tức là một hiện tượng tiến hóa. Tức cũng là một phần phương tiện lợi sảo trong Phật pháp vậy. Còn như bầy trẻ vụng dại lóng ngóng vớ lấy dao nghịch bậy mà đứt tay thì nào có phải tội ở con dao sắc hay ở người chẻ ra nó. Không thể thì sao các xã-hội tiền tiến, người ta tạo lập ra cái văn-minh vật chất ấy chính là để người ta tự thụ dụng, mà sao thanh-niên người ta không bị cái tình trạng trụy-lạc như thanh-niên mình.

Sợ dĩ ở những xã-hội tiền tiến văn-minh vật chất thịnh hành kia, thanh-niên người ta không bị cái hiểm-lượng trụy lạc như ở đây là chỉ vì cái cơ sau này: Ở những xã-hội tiền tiến, đấng thời văn minh vật chất thịnh lên thì văn minh tinh thần vốn của tiền nhân cũng theo mà mở

rộng Phạm-vi, hình-thức, danh-từ, tuy có đổi thay mà cái cốt cách xưa vẫn y nguyên không sai lệch. Thế cũng như người lớn kia đã đủ có khôn khéo để dùng con dao sắc mà làm nên mọi sự nghiệp. Đến như một xã hội chậm chán lờ bờ như xã hội ta. Hoàn cảnh khiến nên, bao nhiêu cái tinh thần cốt cách khi xưa đều bị đoạn tuyệt. Như một đứa trẻ mới ra đời bỡ ngỡ ngượng ngùng còn tư cách đầu mà thọ dụng nổi cái văn minh vật chất ngày nay như con dao sắc kia, thì phải chịu cái vạ đứt tay là phải.

Nay muốn dụng lấy con dao sắc văn minh vật chất mà không bị cái vạ lâm lữ đứt tay, ta kịp phải đem tinh thần cốt cách sẵn có xưa kia mà bồi bổ, tinh thức cho thanh-niên, cho thanh-niên ta tự chủ được tâm thần mình, thụ dụng lấy văn-minh vật-chất của thời đại cũng như thanh-niên liên liến, mà không xa đọa vào cái hố truy-lạc. Ta cần cấp phải phát huy lại hai cái tinh-thần cốt cách xưa là Nho-học với Phật-giáo, cho được phổ-thông và thuận với thủ-lục tiến hành. Đây hãy nói về Phật-giáo trước.

Thanh-niên đã là chủ nhân ở cái xã-hội tiến hóa tương-lai của chúng ta, là những người còn phải phấn-dấu dữ, phải cố gắng nhiều. Vậy muốn đem đạo Phật cảm hóa thanh-niên, tôi đây quyết không khuyên thanh-niên chăm lễ bái, tụng niệm như lối tu của một số người có thì giờ. Lại cũng quyết không khuyên họ bằng những quan-niệm vị-kỷ, chán đời của phái Tiểu-thừa. Nói Phật pháp với thanh-niên đây là tôi muốn các vị phụ huynh sư trưởng hay chính tự thân thanh-niên, biết đem mấy đặc điểm về linh-thần đạo Phật mà cảm hóa, huấn-luyện tu dưỡng cho thanh-niên, để bồi đắp vào chỗ tối-cao trên tâm não của thanh-niên như sau này :

1 — Đức Thích-ca, giáo chủ đạo Phật, đang tuổi trẻ-trung, trút bỏ cả ngôi vua lộc nước, vợ đẹp con khôn, một mình chịu khổ cực gian lao để tìm lấy đạo chính

mà giáo hóa cho đời. Đó là một cái gương hi sinh, một cái gương phấn đấu của thanh-niên mà xưa nay chưa từng có, đáng cho thanh-niên ngày nay phải sùng bái, ngưỡng mộ để mà tu luyện chỉ khi tiến thân lập nghiệp cho mình.

2. — Đạo Phật lấy nhất thiết bình-đẳng làm tông-chỉ có một. Tông-chỉ nhất thiết bình-đẳng tức là tị-tố của chủ nghĩa xã-hội ngày nay mà tuyên dương bằng tông-giáo lại càng có nhiều hứng thú. Đó là một cái nguồn gốc về luân-lý đạo-đức mà thanh-niên ngày nay đáng nên thụ-giáo

3. — Đạo Phật lấy chủ-nghĩa từ-bi làm mục-dịch cứu-thê không hai. Từ là cho chúng sinh, được sung sướng, bi là cho chúng-sinh khỏi khổ sở, đó là một chính kiến triết-đề của chủ-nghĩa xã hội ngày nay, đáng cho thanh-niên phải lưu tâm thể-nhận.

4. — Đạo Phật lấy ba phép bố thí làm sự cần thiết về lập công lập đức của cá-nhân đối với quần chúng. Ba điều bố-thí là lấy của cho người, lấy học thuật dạy người, lấy can đảm sức mạnh không sợ hãi gì mà cứu người khi nguy cấp. Đó tức là đạo nghĩa hiệp hoàn toàn, đáng cho thanh-niên phải theo học.

5. — Đạo Phật lấy đức tinh tinh tiến dũng mãnh để ứng phó với hết thảy chi-nguyễn, hết thảy công đức mà mình muốn làm. Tinh tiến là càng ngày càng hay hơn, càng mới hơn lên. Dũng mãnh là hăng hái mạo hiểm không sợ hãi, chán nản gì, cốt cho đạt được mục-dịch mới thôi. Thế cho nên từ xưa những người đã cảm hóa sâu về đạo Phật đều là những người kiên cường bất khuất. Đó lại là một đức tính mà thanh-niên ngày nay phải cần tu luyện.

6. — Đạo Phật tôn chính-giác mà phá mê trấp. Chính-giác là tỉnh biết chân chính, mê trấp là cố trấp mà đam mê. Tôn chính giác, phá mê trấp tức là một khuôn vàng

thước ngọc trong cõi học hỏi ngày nay, thanh-niên cần phải tuân theo điều giáo huấn ấy.

Trên ấy lược kể mấy đặc điểm về tinh-thần đạo Phật cũng đủ khiến cho thanh-niên phải chú ý đến Phật-giáo. Chú ý đến Phật-giáo tức là thanh-niên biết cách cầu học, biết nhờ vào chốn tinh-thần thắng diệu để tu dưỡng tâm-hóa cho mình. Cho mình được có một cái tâm tinh thanh tịnh, tỉnh táo, lớn lao, công chính, mạnh bạo mà nhân lành. Trên có liên lạc với cái giây tinh thần bất tuyệt nghìn xưa, dưới đủ nghị lực, đủ khôn khéo dùng lấy con dao văn-minh vật-chất của thời đại, tự do cắt thừa làn nên mọi công đức ích lợi cho đời, mà không lo gì cái vạ đứt tay, trượt lạc. Như vậy chẳng cũng quý hóa lắm sao. Tôi mong được cùng anh em thanh niên cùng phát tâm học Phật.

Ng. Tr. Thuật

GIẢNG GIẢI VỀ THUYẾT NGŨ-TRỌC ÁC-THỂ

(Bài diễn giảng của ông Nguyễn-hữu-Tiền
ở chùa Mỹ-Hào).

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Thưa các cụ,

Thưa chư tăng

Thưa các ngài giáo hữu,

Hôm nay là ngày khánh thành ngôi chùa Hội-quán của quý chi hội Mỹ-hào ta đây, tôi lại được cái hân-hạnh quý hội đạt giãu mời tôi xuống dự cuộc khánh-thành để nói một vài câu giáo lý nhà Phật hầu chuyện các ngài. Tôi trông thấy ngôi chùa của quý-hội dựng được nguy nga lộng lẫy thế này, lại mở cuộc khánh-thành rước xách linh-dinh, đồng dự các cụ các ông, các bà, đến chứng kiến, tôi thực lấy làm mừng và lấy làm may! Mừng là mừng đương lúc eo-hẹp này mà các ngài lại sẵn bằng-

tâm hằng-sản làm nên quả phúc lớn lao! May là may đương hồi thế giới xôn-xao này mà riêng phần quý-hạt ta đây lại mở được cuộc khánh-thành vui-vẻ linh-đình, riêng một thế-giới yên vui lạc-lợi.

Nhưng tôi xin các ngài biết cho rằng biện thế-giới chúng ta sinh ra đây là thế giới gì? Có phải Phật gọi là sa-bà thế-giới Không? Sa-bà 娑婆 nghĩa là gì? Sa bà 娑婆 là tiếng chữ Phạm dịch ra chữ lâu là « Kham nhẫn 堪忍 » nghĩa là hay nhẫn-nại chịu được mọi sự khổ mà quên đi không biết; vì sao thế giới này gọi là thế giới sa-bà? Vì đời này là đời Ngũ-trọc ác thế, tức như ta thường nói là đời hạ nguyên hôn-trọc vậy, nghĩa là một đời xấu xa, đủ năm thứ cặn-bã vẩn-đục, nên mới gọi là Ngũ-trọc 五濁.

Ngũ-trọc 五濁 là gì? là kiếp trọc 劫濁, Kiến-trọc 見濁, phiền-não trọc 煩惱濁, chúng sinh trọc 眾生濁, mệnh trọc 命濁.

1.) Kiếp-trọc 劫 — là một kiếp đời lâu dài mà ô-trọc, không mấy khi tránh khỏi được những kiếp binh-đao thủy-hạn, chúng sinh ta đây cũng không ngoại cái đời kiếp trọc ấy. Tuy trong mấy năm nay ta có bị những kiếp-nạn, nào nước lụt, nào hạn hán, đói rét khổ sở, nhưng còn may không bị phải những cái kiếp binh-đao chiến-tranh như nước Tàu bên kia, mệnh người chết lãn như cỏ rác, nói đến đời kiếp trọc thực là ghê sợ lắm thay!

2.) Chúng-sinh-trọc 眾生 — Chúng sinh là những loài gì? là gồm cả các loài: loài thai sinh như loài người và trâu bò chó lợn cùng các giống súc-vật; loài sinh bằng trứng như các loài chim gà; loài sinh ở chỗ âm thấp như loài dòi bọ; loài hóa sinh tức như loài bướm bướm chuồn chuồn; lại còn loài hữu-sắc vô-sắc, hữu-tướng vô-tướng như loài quỷ đói ma chơi; đều gọi là chúng sinh cả, trong loài chúng sinh thiêng liêng hơn hết là loài người. Nhưng chúng sinh loài người hay bị cái nghiệp tham-sân-si nó làm mê muội, chỉ lẩn-lộn trong vòng vật-dục, không biết gì đến đạo hay nhẽ phải nữa, tuy là thân người đấy,

mà ngu muội hôn-mê, không khác gì loài vật, nên gọi là chúng-sinh trọc.

3.) Kiến-trọc 見濁 là sự thấy biết sai-lầm thiên-lệch của chúng-sinh, vì thấy biết sai-lầm thiên-lệch mà sinh ra gian-ác làm nhiều tội-lỗi, nên gọi là kiến-trọc.

4.) Phiền-não-trọc 煩惱 - là do ba cái nghiệp tham-sân-si mà làm ra nhiều tội-lỗi, phải chịu báo ứng khổ sở, tằm-bùn lúc nào cũng bị đau đớn phiền não nên gọi là phiền-não-trọc.

5.) Mệnh trọc 命 - là cái thân-mệnh đau ốm, yếu đuối, thọ-mệnh giảm bớt, bởi những sự tham sân si phiền não nó thúc giục, rồi đến chết non chết yếu, không kịp làm được sự gì ích-lợi cho đời, nên gọi là mệnh-trọc.

Trong năm điều ngũ trọc ấy, kiếp-trọc gồm đủ cả chúng-sinh-trọc, mệnh-trọc, kiến-trọc phiền-não-trọc, cũng ở trong đời kiếp-trọc ấy cả; ví như chúng ta là chúng-sinh đây, mà còn ngu-muội, kiến-thức hẹp-hòi lầm lẫn, bị nhiều điều phiền-não đau đớn, rồi đến thân-mệnh non yếu, cũng cùng ở trong cái đời kiếp trọc ấy cả, thế mà chúng ta không tự biết là khổ-não, vẫn kham-chịu được cái khổ ở đời, nên mới gọi đời là cõi thế-giới sa-bà, nghĩa là kham chịu được mọi sự khổ ở đời mà vẫn tự-dắc là sung-sướng, nào là rượu chè, chèo bát, nào là nơi ăn chơi cờ bạc, nào là nơi nhầy nhớt đầm-dia, không biết thân mình ở về thế-giới nào, có phải ở trong đám chúng-sinh-trọc ấy không? hay ở về đời phiền-não-trọc, kiến trọc, mệnh trọc kia chăng? chẳng qua cũng không ngoài cái đời kiếp-trọc đó mà thôi, sinh tử luân-hồi, kiếp đời ngã-ngủi, mà ta sinh ra kiến-thức hẹp hòi, không ra ngoài hàng rào tre, không biết trông rõ con đường chính kiến, chỉ tranh giành trong đám tối sùi ngôi thứ, hoặc vật-lộn trong đám cờ-bạc đồ đen, hoặc ham về lợi mà dè của cho nhiều, hoặc ham về danh mà muốn được làm cho lớn.

Gót danh-lợi bùn pha sắc sắn,

Mặt phong trần nắng dầm mùi dàu.

cũng là chúng-sinh trong vòng ngũ-trọc cả, ấy cái đời ô-trọc nó làm cho người ta khổ não đến thế; rút lại cũng không khỏi cái cuộc cùng, thông, đắc, táng, cái vòng sinh lão bệnh tử, rồi đến phiền-não ốm-đau, sinh-mệnh non yếu, hai tay buông xuôi, tay không vẫn hoàn tay không, thế có chán cho cái đời kiếp kia không?

Ồi! chúng ta cùng ở trong đời ngũ-trọc này, có ai là người giác-ngộ được sớm không? nếu hay giác-ngộ được sớm, mà biết mình cũng là chúng-sinh đấy, cũng tai mắt ấy, cũng da thịt ấy, chẳng khác chi bọn chúng-sinh sống say ngủ chết kia đâu, nhưng mình hay giác-ngộ thì mình không có lăn-lộn vào đường vật-dục, để cho thoát khỏi cái vòng chúng-sinh trọc mà ra. Mình cũng là cái thân-mệnh ấy, cũng không khác gì cái thân-mệnh kẻ đơn-bạc kia đâu, nhưng mình hay giác-ngộ, biết bỏ những sự tham sân si đi, để cho tránh khỏi cái đời mệnh-trọc. Mình cũng kiến-thức ấy, cũng tai nghe mắt thấy như mọi người, song mình hay giác-ngộ, tầm con mắt trông xa, biết tìm đường chính kiến mà theo, khiến cho tri-thức mở mang, thoát khỏi cái vòng kiến-trọc. Mình cũng tâm-não ấy, cũng bị hoàn-cảnh nó làm cho phiền-não như mọi người, song mình hay giác-ngộ, không bị cơn ma tam-độ nó làm não tâm hỗn để tránh khỏi ra ngoài vòng phiền-não-trọc.

Cùng chung một kiếp làm người,

Ai hay tránh khỏi cuộc đời bề dàu.

Thế thì ta cũng ở trong vòng kiếp-trọc ấy, nhưng ta hay tu phúc tu thiện, giống được nhân tốt tất được hưởng quả ngon, may ra ta tránh được ra ngoài vòng kiếp-trọc.

Thế thì tuy chúng ta ở trong đời ngũ-trọc, mà biết đường giải-thoát, thì cũng có thể giải-thoát ra được.

Nếu không biết tìm đường giải thoát, mà chìm đắm mãi vào trong đời ngũ-trọc, thì biết đời nào giải-thoát ra được. Vậy đã sinh ra kiếp làm người ở trong đời hôn-trọc này, lại càng phải cứu chữa cho ra thanh-tịch. Trong kinh Pháp-hoa về phương tiện phẩm có nói rằng: « 諸佛出於五濁惡世 Chư Phật đều xuất-hiện chứng đạo ở trong đời ngũ-trọc cả ».

Kinh A-di-đà cũng nói rằng: « 佛能於娑婆國土, 五濁惡世, 得阿耨多羅三藐三菩提 Phật tuy ở trong cõi sa-bà trong đời ngũ-trọc, mà vẫn hay chứng được đạo vô-thượng chính đẳng chính-giác ».

Thế là chư Phật hay giác-ngộ vượt ra ngoài đời ngũ-trọc đấy. Chúng ta đã là đệ tử nhà Phật, còn ở trong cõi sa-bà này, tuy gặp phải đời ngũ-trọc, mà cũng không để cho cái gì ô-trọc nó làm trở ngại về con đường học thức tinh-tiến của ta, thì ta tuy là chúng sinh đấy, mà không có chúng-sinh tướng, không luân-quản về đường ô-trọc với chúng-sinh, may ra có thể vượt qua sang bờ giác-ngạn kia được.

Nam mô A-di-đà Phật.

MỘT BUỔI ĐI CHƠI TRÔNG THẤY ĐÈN ĐIỆN CẢM TƯỜNG VỀ PHẬT PHÁP

Sau kỳ Phật dẫn vừa rồi (mồng tám tháng tư ta) lửa lựu lép lèo, nắng hè nồng nực, thường khi chiều đến phây phây gió nam. Một buổi kia, mấy anh em giáo hữu (nội viên hội Phật giáo) đi chơi hóng mát, thủng thỉnh bên đường, đi đường cái quan từ khúc cửa chùa Hưng ký (Hoàng mai) dẫn đến ngã tư Trung Hiền, quay lên mạn bắc (Bạch mai), sau khi tai nghe những tiếng hoang hoang (chuông chiêu) của các chùa, bụng vẫn niệm Phật

miệng còn lăm nhăm theo lối kim cương tri (phép niệm của cụ Liên tri, ký giả đã giảng ở hội quán trung ương, ngày rằm tháng 11 năm ngoái) Bỗng thấy dây đèn điện ở bên đường. bật sáng bừng lên, hình như chúng mình đã đi tới luồng sông Vân hân vậy.

Một bạn « Giáp » đọc ngay 2 câu :

Chính niệm nguyên cầu sinh Lạc thổ 正念原求生樂土.

Hà duyên khước tự vãng Ngân hà 何緣却自往銀河.

Đọc xong, xin các bạn cho ý kiến.

Một bạn thứ 2 « Ất » nói : Ý em cũng thế, em xin dịch nôm :

Ghi cầu sang nước Lạc bang,

Cớ sao mà lại bước quàng sông Ngân.

Bạn thứ 3 « Bình » nói : Ý tôi thì hơi khác, cũng ngâm :

Lạc bang hiện ở tâm ta,

Đây là cái cảnh Ngân - Hà Nhân-gian.

Bạn thứ 4 « Đinh » nói : tôi phục ý ông Bình là gần phải nhưng còn trách bị hiền giả Xiu phép các ngài, cho tôi xin thưa thực, các ngài vẫn quá, tôi sợ các ngài lạc mất thôi. vì cớ sao Kinh kim cương có câu :

一切有爲法,

如夢幻泡影.

如露亦如電,

應作如是觀.

« Vật tạo tác của đời như mộng,

« Trò giới cùng bọt, bóng, nước, xương.

« Và lửa điện một tuồng nó cả,

« Nên coi là vật giả mà thôi.

Cứ nghĩa những câu ấy, thì ra ngoài cái chân tâm, những cảnh vật của thế gian này, mà chính ngay đây đóa điện trước mặt chúng ta đây nó vẫn cùng với cái mộng, cái

bọt v.v. là một tuồng giả dối cả. Ông Giáp, và ông Ất thì mê quá (tức là mê) còn ông Bình tuy không mê nhưng vẫn còn hơi chấp nghĩa là cái dây đèn điện này còn không phải là thực, chỉ là ngân hà mà ngài cho là thực được ư. Nay chúng ta đương niệm Phật tức là đương cầu lấy giác tính của chân tâm chúng ta mà bị cái ngoại cảnh (tức đèn điện) nó cám dỗ chúng ta nó dắt cái chân tâm chúng ta đi lạc mãi từ nãy đến giờ. Thế là cái chương vô minh của chúng ta hãy còn đầy lắm. Chúng ta niệm Phật chưa thể đã thấy Phật đâu. Ta hãy nên đối cảnh đời thì cảm tưởng đến Phật Pháp, đưa đạo Phật ra đối phó với thế gian để khuyên người đời ta làm việc đời phải nên học Phật, đã học Phật phải đưa phép Phật ra mà làm việc đời.

Các bạn cùng giả lời: chính phải, chính phải. Giáp: chính tôi đây thường khi nghe tiếng chuông chùa liền cảm tưởng đến sự niệm Phật, niệm Phật cho quên phứt cả âu sầu, có lẽ tiền trừ được nghiệp chướng, gạt sự gì trái ngược không vui cũng cảm tưởng đến sự niệm Phật, niệm Phật cho khuấy những nỗi bất bình, mà khuấy thật. Nếu có kẻ thù nó đeo ác cảm, niệm Phật thì quên phứt ngay đi không nhớ đối phó với ai bằng ác cảm nữa.

Ất: cái lẽ đó em vẫn thường dùng nên em vẫn giữ được tốt lành, chắc các bạn đây cũng đều đã như em tất cả, nhưng em lại mong rằng các Ngài cùng em, chúng ta cùng cố sức theo những thuyết sau này trước vấn đề đèn điện đã, để mà tự giác giác tha thì hay lắm.

1.) Trông thấy ở đời hay sát sinh ăn thịt tưởng ngay đến phép luân hồi đèn mạng là một dao giả một dao, một mệnh đèn một mệnh nghìn muôn ức kiếp giả cũng khó song.

2.) Trông thấy ở đời ai hay từ tâm thương người thương vật giới sát phóng sinh tưởng ngay là phép các vị bồ tát

đưa đạo từ bi thương yêu hết thầy, dạy cho chúng sinh chóng thoát ra ngoài cái vòng luân chuyển.

3.) Trông thấy ở đời lắm người có tính trộm cướp dan lặn lừa đảo của nhau tưởng ngay đến cái phép ngày sau tất phải giả đên, dù đến một đồng tiền, một hạt gạo, một một ngọn cỏ, một cái kim cũng không xóa được. trăm nghìn vạn kiếp chưa hết không thôi.

4.) Trông thấy ở đời ai hay rộng lượng, không kiết không tham, giàu lòng bố thí, tưởng ngay là phép các vị Bồ-tát đưa lòng quảng đại, dạy cho chúng sinh muốn cầu giàu sang như ý nên làm như thế.

5.) Trông thấy ở đời lắm kẻ dụng tình chim chuột thích chỉ dâm ô, tưởng ngay đến điều dâm là đầu vạn ác, ngoài đạo vợ chồng quyết phải trầm luân làm vật.

6.) Trông thấy ở đời ai hay cắt tuyệt ái ân, giữ tuần thanh liub, tưởng ngay là phép các vị Bồ-tát giải thoát trần duyên, dạy cho chúng sinh muốn vượt tử sinh đoạn giây tình trước.

7.) Trông thấy lắm người đa ngôn đa trá, giảo quyết đảo điên, tưởng ngay đến phép quyết nhiên chịu báo ngong cầm lấp dính hoặc là không thể cũng phải oan oan cùng báo hay bị cái lưới làm búa bở thân.

8.) Trông thấy ở đời ai hay một niềm thành thực, không nói dối ai, nói một lời nào đáng ghi muốn thừa, tưởng ngay là phép các vị Bồ-tát giải thoát thị phi mà dạy chúng sinh theo đường chắc thực.

9.) Trông thấy ở đời lắm người nghiện rượu, mê mẩn tình thương, diễn ra lắm tuồng thương luân bại lý, tưởng ngay đến phép rượu làm mê tâm, gây ngằn điên cuồng hại cả đức dục, trí dục và thể dục nữa, hoặc khi đổi xác khó thoát thấp sinh.

10.) Trông thấy ở đời ai hay tính không ưa rượu, điềm tính thanh tu, tưởng ngay là phép các vị Bồ-tát dạy

chúng sinh muốn cầu trí tuệ phải chết ma uen,

Mười đờn đó tuy là câu chuyện đi đường vợi vàng sơ xuất, xin bạn miến chấp và chằm chước cũng hay, còn thì đối cảnh sinh tình, thiên bình vạn trạng ở bên đường này khó kể hết.

Nay xin nói ngay cái dây đèn máy là một vấn đề trước mặt chúng ta đây các ngài có cảm tưởng ra sao không ?

Giáp tiếp ngay : đó là thuộc về khoa học của thế gian nữa thế kỷ này người Âu châu mới nghiên cứu mà chế ra được Phật giáo là phép dạy xuất thế gian và ở kim cương đã cho là giả thì chắc không đâu nói chi đến nữa. Đưa cái phép cao siêu huyền bí mà sơ với máy móc thực hành thì sợ không thể hợp được.

Đình nghe câu nói trực liệp thế lên sừng sốt nà nói rằng : tiếng Phật là tiếng bằng chữ Phạn dịch ra chữ Tàu là giác mà dịch ra tiếng chữ ta là tỉnh hiểu. Chính đức Thích-ca ngài đã tự mình tỉnh hiểu cả chân tướng và chân lý thuộc về nhập thế và xuất thế rồi Ngài mới tùy thời thị hiện, tùy cơ diễn thuyết. Phạm những chân tướng và chân lý Ngài đã tỉnh hiểu, Ngài đều phổ diễn ra trong hơn 300 hội tất cả rồi; ngài lại truyền cho đức Át-nan để dạy hết thầy chúng sinh cũng đều được tỉnh hiểu như ngài tất cả. Nói xuất thế thì ngỡ cảnh vật chất thế gian đều là giả cả, dẫu cái thân địa, thủy, hỏa, phong, của chúng sinh cũng trong tuồng ấy nhưng đối với cái thân giả ấy. Phật dạy phải tùy cơ đặt phương tiện, khéo dùng những cái giả để mà dắt chúng sinh dần chuyển về chân.

Vậy trong Phật giáo mới lại có môn nhập thế có đủ cả khoa tọc, triết học vân vân. không còn sót một môn thực học nào là không có. Nghiệm các nhà bác học gần nay vẫn nói luôn : Phật pháp tức khoa học, khoa học tức Phật pháp, thì cái môn học về đèn máy này ta cần

nên đưa ra đối chiếu với Phật học là phải, sợ gì so sánh không hợp, hợp hay không thử đợi mà xem.

Các Ngài đã đọc kinh « Đại bát niết bàn » chưa ?

Bính : kinh ấy chép sự tích Phật nhập nát bàn, toàn bộ 42 quyền chữ gì ; chính tôi thường tụng luôn ; ngày rằm tháng 2 ta vừa rồi chúng tôi cũng có tụng, mười người chia nhau ra tụng suốt ngày mới hết.

Đinh : Ngài có biết chuyện đèn máy ở kinh ấy chép thế nào không.

Bính : Ông này nói lạ : ngày xưa làm gì có của lạ ấy và lại khi chúng tôi vào tụng kinh chuông mõ nghi nga' trên có Phật thánh chứng minh, dưới có thiện tín lễ bái tụng chầm sợ không bằng người, bỏ sót sợ tội với Phật, có thì giờ đâu để tâm suy nghĩ được mà ngài hỏi thế.

Đinh : phúc đức ! các Ngài tụng được như thế thật là phúc đức lắm và các thiện tín có công lễ bái ấy cũng là phúc đức vô lượng vô biên.

Ngày hôm ấy tôi cũng có dự lễ kỷ niệm Phật nhập Nát bàn với hội thiện làng tôi (Hoàng mai) Sau khi lễ xong, tôi cũng có đưa bộ kinh ấy ra, nhưng thật tôi chẳng tụng được một tờ nào, vì chúng tôi nghĩ rằng toàn bộ 42 quyền thì giáo hữu 42 người ngồi tụng mỗi người một quyền trong buổi lễ mấy tiếng đồng hồ cũng xong ; nhưng đương khi thiện tín sum vầy mà tụng thì lốc cốc gõ huyền thiên, y ð như hội chợ, có lẽ vô ích, mạn phép các ngài lại e những nhà tri thức người ta tặng cho chúng tôi như một lũ vẹt, nên bấy giờ tôi chỉ gỡ kinh ra, đối trước Phật đài giảng cùng giáo-hữu ; trước hết hãy nói qua loa dẫn đến những phẩm di-giáo, ứng tạn hoàn nguyên v. v. cho đến hết quyền 42 nói rõ về cái thức tướng Phật nhập Nát bàn- giảng dẫn đến lúc đại chúng chia phần xá lỵ đưa về xây tháp cúng giảng.

Đoạn rồi tôi lại nói : nhân ngày lễ này, tôi có cảm tưởng đến năm xưa chính ngày Phật nhập Nát bàn ở rừng Xa la, hôm ấy cũng có đèn máy cúng Phật giống như đèn máy ngày nay không khác nay nào cái vấn đề trông đèn máy mà cảm tưởng về Phật pháp vậy xin thuật lại câu chuyện về đèn máy đã giảng hôm ấy ra sau này :

Xem trên đầu kinh « Đại bát niết bàn » thấy có chép đại khái là ngày rằm tháng 2 hết thấy những kẻ có duyên về Phật pháp nghe tin đức Phật sắp nhập niết bàn, rủ nhau lũ lượt đưa đồ quý vật đến rừng Xa la cúng Phật, chừm cho, tuần cúng cuối, có một bọn người giỏi đưa cả những bộ đèn máy từ trên giới xuống thấp để cúng giáng, bộ phận máy toàn bằng loại kim và lại có chụp bằng pha lê nữa.

Lu lừng thay trước đây từ 40 năm trở lên đến khi Phật nhập niết bàn, trong khoảng ngót 3000 năm ở địa cầu ta còn dùng những đèn thấp bằng dầu hay mỡ giót ra đĩa, đến dầu hỏa cũng chưa sao có, đã ai biết có điện mà biết chế ra đèn máy bao giờ ; kinh « Đại bát niết bàn » nếu không phải chính đức A nan thân trông thấy những cảnh tượng khi ấy mà chép ra thì hậu nhân ai biết đâu mà đủ dám mơ tưởng đến những bộ phận máy đèn của người giỏi đưa xuống như thế.

Gần nay người Âu châu mới biết khảo về khoa học, mà suy nghĩ chế ra, những nhà tuy tổ chế ra đèn máy đó thực có học đầu đến kinh Nát bàn của Phật, thế mà những bộ phận máy đèn này, tôi không phải là nhà chuyên môn tuy không hiểu hết, nhưng máy đó chẳng qua cũng là chụp bằng pha lê và một vài món như đồng sắt v.v. cũng toàn là những vật trong loại kim cả. chả khác gì các bộ đèn máy của những người giỏi đã đưa xuống cúng Phật ở rừng Xa la ngày xưa.

Đó là câu truyện của mấy vị hội viên của hội Phật giáo

một buổi chơi mát trong hồ nồng nực sau kỳ Phật đản vừa rồi, nhân trông thấy đèn điện cảm tưởng về Phật học mà nói ra Kỳ giả cũng là một vai trong bọn ấy, cho nên thuật lại được hết đầu đuôi, hiển các bạn đọc ngó đèn tuệ mà chiêm sáng cho.

Viên-Minh Nguyễn-thượng-Cần

Giải đáp bức « thư không niêm »

câu hỏi chọn lý đạo Phật

CỦA ÔNG NGUYỄN-QUANG-CHƯỚC

BẾN-TRE — NAM-KỲ

I

Thư Cư-sĩ Nguyễn-quang-Chước

Bức « thư thông niêm » câu hỏi về chân lý đạo Phật của Quý Cư-sĩ đăng ở báo Saigon luôn ba số : 18-5-38, 19-5-8, 20-5-38, để gửi cho các hội Phật-học cũng Chur-son đại-đức toàn cõi Đông-dương. Mãi đến đầu tháng 7 tây này, tòa soạn Đuốc-Tuệ chúng tôi mới tiếp được. Thấy Đuốc-Tuệ chúng tôi cũng được hân-hạnh có danh hiệu trong cái số các bạn đồng-nghệp như Từ-bi-âm, Viên-âm, Duy-tâm v. v. mà Quý Cư-sĩ đã cho dự vào hạng hỏi đến ở trong bức « thư không niêm » ấy. Kính-cần tụng đọc bức thư hỏi đạo ấy, thấy Quý Cư-sĩ tỏ cho biết Quý Cư-sĩ thực có tâm về Phật-học. Quý Cư-sĩ nói : « Tôi đã lặng-lội học hỏi » và nói « Lòng mộ đạo các báo chí sách vở về đạo Phật tôi tận tâm nghiên cứu, song vẫn hoài công », bởi vậy chúng tôi không dám câu-nệ, xin theo sau các bạn đồng nghiệp, các Đại-đức Chur-son, kính viết bài giải đáp này, biết sao nói vậy, gọi tạ lại tấm thịnh-tình quý-hóa của một ông đạo-hữu đã nhiệt thành vì đạo như thế

Bức thư hỏi đạo này đăng luôn ba số báo, vì bài khá dài không tiện đăng lục toàn văn ra đây. Vì vậy trước

khí giải-đáp về phần quan-trọng mà Quý Cư-sĩ đã hỏi, chúng tôi thuật qua lại mấy chỗ đặc-điểm để Quý Cư-sĩ biết cho là chúng tôi đã đọc kỹ và nhận kỹ, và để các độc giả cùng chúng minh.

Do nhữg nhân duyên trên ấy, bài giải đáp này chia ra ba phần : Phần thứ nhất nói qua về luận-điệu của bức thư không niêm. Phần thứ hai nói về tích-cách trong thư ấy. Phần thứ ba giải đáp về những câu kinh kệ mà Quý Cư-sĩ cần hỏi.

1) Nói qua về luận-điệu của bức thư không niêm.

Cũng vì lòng nhiệt thành cầu đạo, Nguyễn Quý Cư-sĩ « đã lâu lặn lội học-hỏi » vì « lòng mộ đạo, các báo chí, sách vở về đạo Phật, tận - tâm nghiên - cứu, song vẫn hoài công » : Quý Cư sĩ còn nói : « Tôi không nản chí, lặn-lội khắp các nơi lâm-san, hải ngoại ở nước nhà, rồi lần tìm đến phươg Âu, chốn chân mà vẫn mơ-màng chưa biết chi ». Ngẫm-nghĩ cái công-lao lặn-lội cầu đạo bấy lâu, khắp đất Việt trời Âu mà vẫn mơ-màng chưa biết chi, nên Quý Cư-sĩ bi-quan cả với cuộc chấn-hưng Phật-giáo liêu đém những cái tệ-bệnh của ba họ người trong cõi Phật-học nước ta ngày nay. là tăng-chúng, nho học cư sĩ và tây-học cư-sĩ mà học-bạch ra

Với tăng chúng, Nguyễn Quý Cư-sĩ nói đại ý rằng : tôi đặng nghe nhiều vị gọi là đã đoạt-thông giáo-lý hiểu máy huyền-vi, mà đến khi đem Phật-pháp dạy người, thì chẳng đặng được châu-toàn đến mục đích chơn-thực. Như thế vậy gọi là thông hiểu chi. Thế rồi Quý Cư-sĩ thuật lại lịch sử truyền-pháp từ Đức Phật Thích-ca trở xuống 23 đời ở Tây-thiên, và Tổ Đạt-ma lai truyền sang Đông-độ, trải 6 đời nữa. Trong cái khi, tổ-tổ tương truyền ở hai phương, cộng 34 đời hơn 2000 năm ấy, tuy có lấy cái đồ pháp-bảo là cái áo và cái bát của Phật-tổ làm vật trao chịu. Nhưng thực ra là truyền thụ ở chỗ « Chính pháp nhơn tạng, nạt-bản diệu-tâm », tức là chỗ cốt tủy của đạo kia, chớ

có ở đâu cái pháp-khi hình-lượng ấy. Cho nên đến Lục-lô Ngài thấy đồ-đệ tranh nhau hai cái pháp-khi ấy Ngài bỏ cách truyền ư bát ấy đi, và chỉ truyền tâm-pháp mà thôi. Thế mà tăng già nước ta ngày nay, đã chẳng có tâm-pháp gì để truyền cho nhau lại diễn ra cái trò giả-dối là lấy một tờ giấy dài viết chữ « Chánh-pháp nhơn tạng » và pháp-danh kẻ được truyền, đòi đòi như thể chép làm phú-ý, gọi là « truyền-pháp ». Nguyễn Qui Cư-sĩ bèn nói : « Ôi chẳng biết phép gì vậy ? Có phải tăng-già ngày nay muốn làm trò hát tuồng Phật chăng ? Đắp ư đội mũ cấp phải coi cũng ra vẻ đạo-mạo. Ngặt vì trong tâm trống rỗng, khác nào trò cirque, dùng con khỉ cho bận áo đội mũ quan tòa bắt con chó làm tội nhân » — Qui Cư-sĩ lại dũa tấn tuồng học đạo để chừng thêm sự giả-dối, Cư-sĩ nói : « Quý Ngài ôi ! Lại buồn cười cho lớp hát bộ tuồng Hoàng phủ thiếu hoa tâm tiên học đạo, ba năm luyện tập, song gôm lại vài hồi cũng xong ». Với trò cirque Quan-tòa Kỉ và trò hát bộ tâm tiên cầu đạo, Cư-sĩ còn tả chân ra nhiều Lý-thú lắm, đây xin lược đi kéo dài.

Với nho-học cư-sĩ, Nguyễn Qui Cư-sĩ cho rằng Đức Thích-ca tám tuổi chưa học mà đã văn-chương cầm-tù, thông suốt mọi điều, mà còn phải xả-thân nơi Tuyết-linh, sáu năm tham-cứu mới ngộ đạo, mới nói đạo. Nay mấy trò tục-nho mới mút vài ngò lông mèo và chút khói đèn da trâu mà đã khua lưỡi giảng đạo diễn kinh.

Với tây-học cư-sĩ, Qui Cư-sĩ nói : Mấy anh tây-học nhả-nhem, như ếch nằm đáy giếng, thấy lỏm trời tí-hon, tưởng là bát ngát, rộng hóng nhĩa hông ột-ột, đội-ngột om trời cho rộng-ràng thiên hạ. Thả nằm một trống, chưa biết nay may mai rủi, xin đừng vội dạy người mò trắng dưới nước, bắt bóng trong gương cho ửng công vô ích.

Tổ bầy những chỗ tệ-bệnh về ba hạng người trong cõi Phật học ngày nay như trên ấy. Qui Cư-sĩ bèn kết luận rằng : « Đạo rất nhiệm mầu nên mới còn di tích đến

ngày nay thì có lẽ trong thế giới này lại không có người thấu đạt. Chỉ vì tôi trí thức hẹp hòi chưa đạt được duyên hội-ngộ .

Xem mấy lời kết luận này, chúng tôi biết Nguyễn Cư-sĩ thực lòng nhiệt-liệt vì cầu đạo, tham nhiều nơi, đọc nhiều sách báo mà sở-ngộ ba hạng người tự xưng là giảng đạo kia, đều không giúp gì sự hiểu thấu chơn lý đạo Phật cho mình, nên Quý Cư-sĩ cay mà bực-bạch tẻ-bệnh của ba hạng người mà Quý Cư-sĩ đã gặp ấy ra, chứ không phải là sân-huệ, không phải là mặt-xát hết thấy cả mọi người khác đâu. Cho nên đoạn sau đó Quý cư-sĩ có viết ra mấy bài kệ (sẽ giải đáp sau này), cầu có người giải đáp cho. Quý cư-sĩ nói : « Tôi cầu cần đánh lẽ ngưỡng bạch Chư vị Đại-đức. Thức giả thượng căn, lấy lòng từ bi mở ngọn đuốc tuệ soi vào óc ngu này, chỉ giải giùm những câu kệ tôi đang thấy song chưa rõ hiểu nghĩa-lý cho thấu đáo ». Cõi đó thì Quý cư-sĩ cũng là người khiêm-cung hỏi đạo, bài xích những kẻ đã gặp mà mong cầu ở những người chưa hội-ngộ. Tuy nhiên chỉ vì ba hạng người trên kia. Quý cư-sĩ không viện dẫn những lời nói sai lầm của đích từng ai, thành ra cái luận điệu « **vơ đũa cả nắm** ». Muốn hỏi đạo mà nói « **vơ đũa cả nắm** », nên có người lấy làm không hài lòng. Song chúng tôi thì quên cả hình-hai, một chú trọng vào chỗ Quý cư-sĩ ân cần muốn luận-đạo mà thôi.

2. — Nói về tính cách bức thư hỏi đạo — Bức thư không niêm hỏi đạo có hai phần : Phần trên Quý cư-sĩ nói mình thành tâm công-lao cầu đạo mà chưa gặp, và bài-bác những tệ bệnh trong cõi Phật-học ngày nay như lúc này đã lược thuật. Ngoài ra Quý cư-sĩ còn biện bác và vấn hỏi nhiều nghi vấn, tỏ ra ý mình đã hiểu rồi mà hỏi chơi. Hỏi chơi để bác những chỗ sai lầm của người đời. Như bác những lối tu thấp-tượng, giữ cái « phép chế » không có tinh thần gì, Quý cư-sĩ nói : « **Tụng kinh đang giải thoát ư ? Ăn chay đang giải thoát ư ?**

Học ngồi lý chai dít, luyện pháp uốn gân đặng giải thoát được chăng ? Cừ mấy câu vấn hỏi đó thì dường như Quý cư-sĩ đã ngó tới cửa Đạo Hai-thặng, phá mẽ ngó nhập rồi, mà sao lại nói : Đức Thích-ca tám tuổi, chưa học mà đã văn chương cảm tú, thấu suốt mọi điều » Và chỗ nói về Đức Thích-ca khi truyền pháp cho ông Ca-diếp, Quý cư-sĩ lại dẫn cái điển Ngài lấy áo ca sa che cho ông sợ kéo ma vương trông thấy. Thì ra Quý cư-sĩ hiểu-lý chưa thuần nhất vẫn còn trấp mê, vì đến như cái điển niêm hoa vi tiếu còn chưa phải là chính kinh, nữa là việc che áo tránh ma này. Còn nhiều nghĩa như thế ở phần trên bức thư ấy, chúng tôi muốn cùng Quý cư-sĩ đàm đạo cho thêm thấy chính-lý, song một là vì phần chót hỏi đạo lại ở mấy câu kệ về sau ; hai là vì việc luận-dàm đạo-lý ta phải gặp nhau một nơi mới nói hết được lẽ. Nên chúng tôi chỉ chú ý giải đáp về phần dưới, nơi phần dưới thư hỏi đạo, Quý cư-sĩ có viết ra mấy câu kinh và kệ ở các sách, vừa ở trong kinh, vừa ở sách hậu-nhân, lại cả đến bài thơ sơn-cư, lời bi-minh ở Huế nữa. Quý cư-sĩ cho những kệ đó là cái chìa khóa mở cửa đạo. Vâng, cái gì cũng là đạo, lời nào có nghĩa chân chính cũng là lời đạo. Vậy xin lần lượt giải đáp như sau.

3. - Giải đáp về những câu kinh kệ cần hỏi. - Quý cư-sĩ liệt ra mấy câu kinh kệ cần giải đáp và rào rết nói rằng : « *Trừ nếu mấy câu trên đây không thể giải đặng thì tôi cầu xin từ đây chẳng còn thấy trên mặt địa-cầu này một ai dám xưng là đặc-pháp. Những tạp-chỉ Phật-học cũng chẳng cần kéo dài những giải-thuyết làm rối lòng tin ngưỡng của thiện-tín...Nên gởi phái điệp n' ! vào đầu givòng, quảng-nghiên bút cho khỏi bán vau đợ Phật* ». Quý cư-sĩ đã thiết-tha về cái nghĩa của mấy câu đó và cho đó là ích cần. Vậy chúng tôi xin thành-thực đem sở-kiến giải đáp lần lượt, xin Quý cư-sĩ cũng lấy lòng thành-

thực mà chứng minh. Sự luận đạo cốt tìm lấy nghĩa do chân tâm mà thể nhập, không như cách bút chiến ở các báo khác mà lấy hùng biện làm thắng. Lễ đó chắc Quý cư sĩ cũng đã thừa hiểu, và Quý cư-sĩ cũng đã hiểu cách ngộ đạo ở những phép « bồng hát », những lời « công án 公案 » trong Thiền tông. Vậy xin lần lượt giải đáp :

1.) Quý cư sĩ hỏi ở sách Quy nguyên : có khách hỏi Ngài Vô-độc Thiền-sư rằng : « thế nào là đạo ? » Thiền-sư trả lời : « khô mộc lý long ngâm 枯木裏龍吟 ». Khách lại hỏi : « thế nào là người đạo trung nhân 道中人 ? » Thiền sư đáp : « khô lâu lý nhơn tình 枯槁裏眼睛 ». xin giải giùm ?

Xin Giải. — Cứ sách Quy nguyên thì hai câu kệ này là của Hương-nham Thiền-sư 香喆 đáp người tăng hỏi đạo mà Độc-phong-thiện Thiền-sư 毒峯善禪師 dẫn vào bài Tam giáo nhất lý 三理一教, chứ không phải và không có Vô-độc Thiền-sư.

1.) Khô mộc lý long ngâm — Câu này là nghĩa bóng. Nguyên có điển : cây thông cổ thụ hóa rồng thường kêu gầm ở gốc cây. Đây vì Hương-nham sư muốn tỏ cho vị tăng ấy biết rằng đạo là cái có bản-thể, bản-thể của đạo là chân-như bất-diệt; xem cái cây khô kia trong vẫn có tiếng con rồng kêu gầm thì cái cây khô ấy chết mà vẫn sống, thì biết đạo thể cũng như thế

← Cây khô vang tiếng rồng thiêng hét.

2. Khô lâu lý nhơn tình — Câu này cũng là nghĩa bóng. Cái xương sọ đầu lâu còn làm gì có con người, đây vì Hương-nham muốn tỏ cho vị tăng ấy biết người đạo-trung-nhân là người có cái tri-kiến tuyệt đối với người thường. Cái tri-kiến ấy xét gì cũng thấy, thấy được chân-lý duy nhất ở giữa những sự tương trái khác nhau, xét thấy được chân lý hiển-thực ở trong chỗ ẩn vi, bí hiem. Người đạo trung nhân ở trông phạm tục, cũng như

cái con người sinh hoạt ở trong cái xương sọ đầu lâu khô mục kia. Có con mắt khác thường tuyệt đối ấy mới thấy được chỗ chân lý duy nhất của Tam giáo.

Xương sọ đầu lâu liếc mắt trông.

II - Quý cư sĩ hỏi : Lại kể có những câu kệ :

硬似綿團軟似鉄.

Ngạnh tự mềm đoàn nhuyễn tự thiết,

六月炎天一點雪.

Lục nguyệt viêm thiên nhất điểm tuyết.

露枉燈籠笑點頭.

Lộ trụ đưng lung tiếu điềm đầu.

啞子得夢向誰說.

Á - tử đắc mộng hướng thù y thuyết.

Giải - Đây là 4 câu ở đầu bài kệ « Tam-giáo nhất lý » của Như-như cư sĩ mà **Độc phong thiện Thiên sư** cũng dẫn vào cùng một bài như trên. - 4 câu này cũng là nghĩa bóng cả. Sách Qui nguyên nói những lời lẽ như những câu này không thể giải nghĩa được, chỉ hiểu ngầm lấy mà thôi, vì lẽ giải là sai nghĩa. Vẫn biết thế nhưng đây vì có hỏi thì có đáp. Vậy xin giải :

1.) Hai câu trên : Ngạnh tự mềm đoàn nhuyễn tự thiết, lục nguyệt viêm thiên nhất điềm tuyết - Ý đây nói người thường thấp thoáng chỉ biết rằng bóng là mềm, sắt là rắn, tháng sáu là tiết nóng nực. Nhưng không biết tới chỗ nguyên lý đồng nhất là cái chỗ bóng mà rắn như sắt, sắt mà mềm như bóng, tháng sáu mà khi có tuyết xa thì tháng sáu cũng lạnh. Thế cũng như kẻ thấy cái hình-tích thuyết giáo của tam-giáo có khác nhau thì cho là mỗi giáo mỗi khác, mà không biết rằng cái lẽ nguyên-bản của đạo-thể thì Tam-giáo cũng là một.

2.) Hai câu dưới : Lộ trụ đưng lung tiếu điềm đầu Á tử đắc mộng hướng thù y thuyết - Ý nói, tuy thế

nhưng đạo rất nhiệm mầu hết chỗ nói năng, người trí-giả chỉ tự chứng biết ở lòng mình mà thôi. Người trí-giả tự chứng biết diệu-đạo chẳng khác chi cái cầu đèn lồng khi lắc lư dường như có sở đắc cái gì mà gạt cười, thực thì nào nó có biết chi. Hay là như thăng cảm khi nằm mộng, biết cả và nhớ cả mộng cảnh mà nói ra được với ai. Thế cho nên những danh-thuyết trong Tam-giáo cũng là cưỡng lập ra đó thôi chứ chỗ chỉ đạo thì khó hở hang ra được. Vậy đến như đức Thích-ca, đức Phu-tử đức Lão-tử cũng đều phải lấy sự im lặng liêm mặc mà thể hiện lẽ đạo.

Rắn tựa đùm bóng, mềm tựa sắt,

Tháng sáu tuyết xa lúc nức trời.

Cái cầu đèn lồng cười gạt-gạt.

Thăng cảm nằm mộng kể cùng ai.

III. — Quí cư-sĩ hỏi :

Hữu vật tiên thiên-địa, vô hình bản tịch liêu,

Năng vi vạn vật tổ, bất trực tứ thời điều.

Bác lạc phi tha vật, tung hoành bất thị trần,

Thùy nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ.

Giải. — 3 câu kệ này là ở 3 bài chứ không phải là một. 4 câu trên là một bài, 2 câu giữa ở một bài, 2 câu cuối ở một bài. Nay xin giải rời ra làm ba đoạn.

1. Giải về 4 câu trên. — Giải chính : về câu thứ ba : « Vạn tượng chủ 萬象主 » chứ không phải « Vạn vật tổ ».

有物先天地. 無形本寂寥.

罷爲萬象主. 不能逐四時凋.

Đây là bài kệ của Thiên-tông Tồ-sur nói về bản-thể vũ-trụ tức là đạo. Ý nói đạo là cái có từ khi chưa có cuộc trời đất này. Đạo vốn vô-hình và yên-lặng mà vẫn làm chủ-trương chi phối hết thấy hiện tượng ở

trong cuộc đời này. Đạo vốn bất-si-yò-chung, hằng có hằng còn mãi-mãi cái vòng thời gian ngắn-ngủi soay-vòng từng năm mà tàn-tạ rung-rời dần dần

Có một cái có trước trời đất, nó v

Làm chủ cả muôn vàn hiện-tượng

2. Về hai câu giữa. — Cải chính : 2 lạc 撲落 » chứ không phải « bác-lạc 橫不是塵 Phác lạc phi tha vật, tun

Nguyên bài này còn 2 câu tiếp dưới

Sơn-hà tinh đại địa 山河非大

Toàn lộ pháp vương thân 全露

Bài này nói về biến tướng của 1 nói muôn vật rồi bời. sáu trần ngổ, ta kia, cùng cả sơn-hà, đại-địa nọ, chi khác đâu, nó đều là thân pháp-vi của đạo cả đó.

Rối-bời kia phải vật nào khác,

Ngõn ngang nọ há là lục trần.

Hợp cả sơn-hà cùng đại-địa,

Hoàn-toàn tỏ-lộ pháp-vương-thân

3. Về 2 câu cuối : 若人識得 心, 大地無寸土. Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa ;

Hai câu kệ này nói về nơi chân t, hữu. Vì kẻ trấp-hữu lấy pháp là c, những không biết chỉ có chân-tâm m, hết thấy. Vậy nếu ai hiểu đượ: nơi c, trấp đầu đại-địa — cái tướng giá hợp — là có nữa. Đại-địa đã bằng phải là cái vốn có thì, chẳng là có; nữa là một tắc nào cò

Nếu ai hiểu được chân-tâm ấy, đại-địa không còn tắc đất nào.

li nh bất-diệt, vô-thủy, chứ không theo, ần của cái thời-tiết, i như mọi vật khác. ốn vắng-lặng mà vô hình.

g, mà không theo bốn mùa điều-linh.

2 chữ đầu « phác-lạc » 撲落非他物縱, g hoành bất thị trần. nũa mới đủ nghĩa :

地, 法王身.

bản-thể của đạo. Ý a ngang trước mắt, không phải là giống rong tức là bản-thể

心, 大地無寸土. 6 thốn thồ.

âm đề phá kẻ trấp-hữu, lấy đại-địa là có, mới là cái gốc tạo ra, tâm-tâm ấy thì còn — là có nữa. Đại-địa đã bằng phải là cái vốn có thì, chẳng là có; nữa là một tắc nào cò

địa không còn tắc (còn nữa)

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-đồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin đăng phương danh các vị hội viên chi hội Bách-lộc (tiếp theo) đã cùng góp lên báo chương để các thiện-lin, thập-phương chứng giám.

Trịnh thị Lub, Kiều thị Lâm, Hạ thị Thuận, Bùi thị Văn, Kiều thị Nhữ, Khuất văn Hòa, Nguyễn thị Nghé, Hạ văn Chang, Bùi thị Bài, Nguyễn thị Uyển, Nguyễn văn Vi, Nguyễn duy Chính, Hạ văn Chi, Hạ văn Lữ, Nguyễn văn Vi, Nguyễn duy Sản, Nguyễn văn Chắt, Khuất thị Khoa, Khuất văn Bích, Nguyễn hữu Bạ, Khuất văn Mẫu, Nguyễn duy Viện, Kiều thị Quýt, Khuất trọng Thúc, Ngô thị Kham, Nguyễn thị Gi, Nguyễn duy Bình, Nguyễn thị Súc, Nguyễn văn Khương, Dương thị Tinh, Dương văn Trứ, Nguyễn văn Hoàn, Nguyễn văn Nhuận, Nguyễn thị Nhân, Nguyễn thị Quất, Đào thị Chúc, Khuất thị Xuân, Nguyễn hưng Như, Hạ thị Xu, Nguyễn văn Quýnh, Nguyễn đức Dzung, Nguyễn duy Bình, Kiều thị Tần, Nguyễn thị Nhữ, Nguyễn văn Hoạt, Nguyễn hữu Lan, Nguyễn văn Hiền, Nguyễn thị Kiến, Khuất văn Hương, Nguyễn văn Việt, Vũ văn Cán, Nguyễn thị Toan, Nguyễn trọng Ngọc, Nguyễn thị Tăng, Nguyễn thị Hỷ, Kiều thị Tánh, Hạ văn Thịnh, Nguyễn đức Khiết, Nguyễn gia Chúc, Nguyễn Đức Thâm, Nguyễn hữu Da, Kiều thị Hy, Nguyễn duy Kiến, Nguyễn duy Môn, Nguyễn thị Ngao, Nguyễn hữu Tảo, Nguyễn thị Thục, Khuất buy Đông, Nguyễn duy Chư, Nguyễn thị Bệp, Nguyễn thị Chí, Khuất thị Duy, Nguyễn gia Sửu, Dương thị Trái, Hạ thị Năm, Nguyễn thời Cư, Hạ thị Côi, Khuất văn Môn.

Chi hội Phủ Từ sơn

Trịnh xuân Nham, Trịnh xuân Khang, Trịnh xuân Luận, Trịnh xuân Trục, Trịnh xuân Sâm, Trịnh thị Chương, Trịnh xuân Thuyết, Hoàng văn Dự, Hoàng thị Thê, Hoàng văn Dân, Đỗ văn Học, Hoàng văn Đậu, Hoàng thị Nghin, Nguyễn thống Đường, Tạ thị Tư. (còn nữa)

GIẢNG KINH THẬP THIỆN

(tiếp theo)

得 佛 圓 音, 具 眾 相 好,
đắc Phật viên âm, cụ chúng tướng hảo,
được Phật tròn tiếng; đủ mọi tướng tốt,
được tiếng viên như Phật, đủ mọi tướng tốt,
精 進 莊 嚴 故, 能 破 廢
tinh tiến trang nghiêm cố, năng phá ma
tinh tiến trang nghiêm cố, hay phá ma
vi lấy tinh tiến trang nghiêm, hay phá tan
忍 八 佛 法 藏 定 莊 嚴
oán, nhập Phật pháp tạng, định trang nghiêm
oán, vào Phật pháp tạng, định trang nghiêm
ma oán, vào cho pháp Phật, vi lấy định trang nghiêm
故, 能 斷 一 切 分 別 妄 見.
cố, năng đoạn nhất thiết phân biệt vọng kiến.
cố, hay dứt một thiết chia rẽ sáng thấy.
hay đoạn trừ hết thầy phân biệt sáng.

Này. Long-vương ! phúc lợi mỗi độ đều lớn như thế đó, nay ta nói rút lại, cho hay làm đạo thập thiện, lấy giới luật trang nghiêm thì có thể sinh ra hết thầy các phần nghĩa lợi trong Phật pháp, đầy đủ lòng nguyện lớn; Lấy nhẫn nhục trang-nghiêm thì được thứ tiếng viên âm (1) và đủ các tướng tốt như Phật; Lấy tinh tiến trang nghiêm, thì phá tan được hết ma chướng oán thù, vào trong tạng pháp của Phật; Lấy thiền định trang nghiêm, thì trừ sạch được hết thầy sự phân biệt vọng kiến (phân biệt sáng).

(1) Viên-âm : Phật nói mọi tiếng mà mỗi loài đều hiểu theo căn tính loài ấy, như cùng trong một pháp hội, Phật diễn thuyết pháp, mà người hiểu của người, trời hiểu của trời, lòng hiểu của lòng v. v.

2. NÓI RÕ CÁC CÔNG HÀNH KHÁC

(chia làm ba)

1. BỐN TÂM LÒNG VÔ - LƯỢNG

慈 莊 嚴 故, 於 諸 眾 生,
 từ trang nghiêm cố, ư chư chúng sinh,
 lành kính nghiêm cố, chung mọi mọi sống,
 vì lấy từ trang nghiêm, chung mọi chúng sinh,
 不 起 惱 害, 悲 莊 嚴 故 慈
 bất khởi nảo hại, bi trang nghiêm cố mẫn
 chẳng giẫy buồn hại, thương kính nghiêm cố sót
 chẳng sinh nảo hại, vì lấy bi trang nghiêm sót
 諸 眾 生, 常 不 厭 捨, 喜
 chư chúng sinh, thường bất yếm xả, hỷ
 mọi mọi sống, thường chẳng chán bỏ, mừng
 mọi chúng sinh, thường chẳng chán bỏ, vì lấy hỷ
 莊 嚴 故, 見 修 善 者, 心
 trang nghiêm cố, kiến tu thiện giả, tâm
 kính nghiêm cố, thấy sửa lành ấy, lòng
 trang nghiêm, thấy người tu thiện, lòng
 無 嫌 嫉, 捨 莊 嚴 故, 於
 vô hiềm ghét, xả trang nghiêm cố, ư
 không hiềm ghét, bỏ trang nghiêm cố, chung
 không liềm ghét, vì lấy xả trang nghiêm, chung
 順 違 境, 無 愛 恚 心.
 thuận vi cảnh, vô ái khuyển tâm.
 thuận trái cõi, không yêu hận lòng.
 cảnh trái thuận, không lòng yêu hận.

Lấy lòng từ trang nghiêm, đối với chúng sinh, không có lòng ghét hại ; Lấy lòng bi trang nghiêm, xót các chúng sinh, không bao giờ ghét bỏ ; Lấy lòng hi-trang nghiêm, thấy người làm lành, không hề ghen ghét ; Lấy lòng xả trang nghiêm, đối với cảnh thuận cảnh nghịch, không có lòng yêu ghét.

(Từ bi hỉ xả, là bốn tấm lòng vô lượng của Phật và Bồ-tát. Làm cho kẻ khác sướng là từ ; cứu khổ cho kẻ khác là bi ; Đối với hết thảy mọi sự công đức của người khác làm đều vui vẻ tán thán giúp đỡ là hỉ ; kẻ oán người thân, coi bằng đẳng cả, không phân biệt ai là xả. Xuy bốn tấm lòng ấy ra khắp tới vô-lượng chúng sinh, cho nên gọi là vô-lượng tâm. Làm mười điều thiện, khiến cho bốn tấm lòng ấy viên mãn trang nghiêm, thì được công đức vô lượng).

2 TỬ NHIẾP

四攝莊嚴故常勸攝

tứ nhiếp trang nghiêm cố, thường cần nhiếp

bốn thu kính nghiêm cố, thường siêng thu

vi lấy tứ nhiếp mà trang nghiêm, thường chăm

化一切眾生.

hóa nhất thiết chúng sinh

hóa một thiết mọi sống.

thu nhiếp giáo hóa hết thảy chúng sinh.

Lấy tứ-nhiếp trang nghiêm, thường chăm thu nhiếp giáo hóa cho hết thảy chúng sinh.

(Tứ-nhiếp là : 1. Bố thí ; 2. Ái ngữ, khuyên hảo ngọt ngào ; 3. Lợi hành, lấy thân thiện miệng từ ái ý thiện làm lợi ích cho chúng sinh, vì thế chúng sinh như lòng yêu mến, quy y học đạo, được hưởng phúc lợi vô lượng ; 4. Đồng sự : Bồ-tát biết rõ căn tính chúng sinh, mới tùy thích của chúng sinh mà hóa thân cùng làm với chúng sinh để dẫn dụ chúng sinh cùng làm thiện cùng hưởng phúc, nhờ đó sinh lòng yêu mến rồi chịu khó tu hành chứng quả).

念 莊 嚴 故 普 罷 修 習
niệm trang nghiêm cố, thiện năng tu tập
 nghĩ kính nghiêm cố, lành hay sửa tập
 vì lấy niệm-xứ trang nghiêm, khéo hay tu tập
 四 念 處 觀, 正 勤 莊 嚴
tứ niệm xứ quán, chính cần trang nghiêm
 bốn nghĩ chốn, xem ngay siêng kính nghiêm
 phép quán tứ niệm xứ, vì lấy chính cần trang nghiêm
 故 悉 罷 斷 除 一 切 不
cố, tất năng đoạn trừ nhất thiết bất
 cố, hết hay rứt trừ một thiết chẳng
 chò nên hay đoạn trừ hết thầy phép
 善 法, 成 一 切 善 法 神
thiện pháp, thành nhất thiết thiện pháp thần
 lành phép, nên một thiết lành phép, thần
 chẳng lành, nên hết thầy phép lành
 足 莊 嚴 故, 恆 令 身 心,
túc trang nghiêm cố, hằng linh thân tâm,
 chân kính nghiêm cố, thường khiến mình lòng,
 vì lấy thần túc trang nghiêm thường khiến thân tâm,
 輕 安 快 樂, 五 根 莊 嚴
khinh an khoái lạc, ngũ căn trang nghiêm,
 nhẹ yên sướng vui, năm rễ kính nghiêm
 nhẹ nhàng vui sướng, vì lấy ngũ căn trang nghiêm
 故 深 信 固, 精 勤 匪 懈
cố, thâm tín ^đền cố, tinh cần phi giải,
 cố, sâu tin ^{Cứ}ền chắc, tinh siêng chẳng trễ.
 tin sâu bền chắc, tinh cần chẳng trễ.
 (còn nữa)

(liếp theo)

Từ đó đi về phía Tây-bắc độ 3, 4 dặm, qua sông A-đặc-đa phật-đề, cách sông một quãng, đến rừng Sa-la. Cây Sa-la vỏ xanh, lá trắng, sắc rất mỡ, 4 cặp cao đều nhau, tức là chỗ đức Như-lai vào Niết-bàn vậy.

Trong đó có một cái « linh xá » xây bằng gạch vồ, trong có tượng đức Như-lai Niết-bàn, nằm để đầu về phía Bắc. Bên đó có một cái tháp lớn, cao hơn 200 thước do vua Vô-tru xây lên, lại dựng 1 cái cột đá, chép rõ sự tích lúc Phật vào Niết-bàn, nhưng không đề ngày tháng. Tương truyền rằng : Phật ở đời này 80 năm, vào cõi Niết-bàn ngày rằm tháng Phệ-xa-già (tức là rằm tháng 2 ta). Bộ Nhất-thiết-hữu lại nói rằng : Phật vào Niết-bàn về cuối tháng Ca-bhich đê-ca (tức là mồng 8 tháng 9 ta). Từ khi vào Niết-bàn tới nay, có bộ nói rằng 2200 năm ; có bộ nói rằng 2300 năm ; có bộ nói rằng 2560 năm ; có bộ nói rằng 2900 năm. Những chỗ như : Phật ngồi trong áo quan vàng thuyết pháp cho mẹ ; thò tay ra hỏi ngài Át nan ; thò chân ra chỉ thị cho ngài Ca-diếp ; chỗ chất gỗ thơm thiên ; chỗ tắm vua chia « xá-lị », đều có tháp kỷ-niệm cả.

Từ đó đi qua các rừng lớn, hơn 500 dặm, đến nước Bà-la ny-tư, chu vi hơn 4000 dặm Kinh thành nước ấy, phía Tây giáp sông Căng-già, giới hơn 10 dặm, rộng 5, 6 dặm, có hơn 3000 ngôi chùa, tăng đồ hơn 2000 người, học theo bộ « Nhất-thiết-hữu » phái Tiểu-thừa. Qua sông Ba-la ny-tư, đi về phía Đông-bắc chừng hơn 10 dặm, đến Lộc-giã già lam. Đền dài cao ngất tưng mây, 4 giấy hành lang đi bắt vắn, tăng đồ 1500 người, học về bộ « Chánh-lượng » phái Tiểu-thừa. Trong viện có một nơi tinh-xá cao hơn 100 thước, thêm lát toàn đá, khám xây bằng ngói, hàng mấy trăm tảng, các tượng vàng Phật bày la liệt. Trong

nhà có bức tượng đức Như-lai quay bánh xe pháp, trạm bằng đá, to vừa bằng người. Về phía Đông-nam tỉnh-xá có cái tháp đá, do vua Vô-tru xây lên, cao hơn 100 thước. Trước mặt có cái cột đá, cao hơn 70 thước, là chỗ Phật tử mới quay bánh xe pháp. Bên đó có chỗ thụ ký cho Mai-đất-lệ bồ-tát (tức là đức Di-lặc). Về phía Tây có một cái tháp là chỗ đức Phật Ca-diếp thụ ký cho đức Thích-ca làm « Hộ-minh Bồ-tát » từ đời liên-kiếp người ta còn thọ được những 2 vạn tuổi, Về phía Nam, là chỗ 4 vị Phật quá-khứ kinh hành ở đây, giải hơn 50 bước, cao 7 thước, xây toàn đá xanh, trên có tượng 4 vị Phật kinh hành. Phía Tây chùa lại có ao của đức Như-lai tắm, ao để rửa đồ và ao để giặt áo. Ao nào cũng có Long-thần coi giữ, không ai dám làm bẩn. Bên đó có cái tháp, tức là chỗ đức Phật tu hạnh Bồ-tát, làm con voi trắng sáu ngà, chịu bẻ ngà thí cho người đi săn ở đây. Lại có chỗ đức ngài làm Chim, cùng với đàn khỉ, đàn voi, định phận lớn bé đi tuần để hóa người. Lại có chỗ ngài làm Chúa Hươu, có chỗ độ 5 người bọn ông Kiều-trầu-Như nữa.

Từ đó đi theo dòng sông Căng-già về phía Đông, chừng 300 dặm, đến nước Chiển-chủ.

Qua sông Căng-già, đi về phía Đông bắc, độ 150 dặm, đến nước Phệ-xá-ly. Nước ấy chu vi hơn 5000 dặm, đất cát béo tốt, có nhiều quả Am-ma-la và quả Mạn-già. Kinh thành hoang hủy, nền cũ chu vi đến 60-70 dặm, người ở rất ít. Về phía Bắc, cách thành chừng 5, 6 dặm, có 1 ngôi chùa. Bên chùa có cái tháp, tức là chỗ Phật nói Kinh « Ti-ma-la-cật » ở đó. Về phía Đông bắc độ 3, 4 dặm, có cái tháp, tức là cái nền nhà của ngài Ti-ma-la-cật, còn có nhiều sự linh dị lắm. Cách đó một ít, có cái nhà bằng đá, tức là chỗ ngài Vô-cấu-già ốm thuyết pháp ở đó. Bên đó

còn có nền nhà cũ của ngài Bảo-lích, và của cô Am-ma-la. Về phía Bắc độ 3, 4 dặm, có cái tháp, là chỗ lúc Phật sắp sang nước Câu-thi-la vào Niết-bàn. Thiên nhân theo đến đứng cả ở đấy. Về phía Tây có chỗ Phật vào chơi thành Phệ-xá-li lần cuối cùng. Về phía Nam có chỗ cô Am-ma-la đem cả vườn cúng Phật. Lại có chỗ Phật hứa cho Ma-vương rằng Phật vào Niết-bàn nữa.

Từ đó đi về phía Nam, cách sông Căng-già chừng hơn 100 dặm, đến thành Phệ-đa-bồ-là được « mặt-tạng kinh » của Bồ-tát.

Lại qua sông Căng-già sang nam, đến nước Ma-yết-đa.

Nước ấy chu vi hơn 5000 dặm, phong tục hiếu học trọng hiền, trong nước có hơn 50 ngôi chùa, tăng-học hơn 1 vạn, phần nhiều học về phái Đại-thặng.

Về phía Nam sông có một cái thành cũ, chu vi hơn 70 dặm. Tuy cách đã hoang tàn, nhưng cũng có chỗ hãy còn cả vòm canh. Về hồi người ta còn thọ vô cùng thì thành ấy lại gọi là thành Tô-ma-bồ-la (cung thành hương hoa) vì trong cung vua có nhiều hoa lắm cho nên mới đặt tên thế. Đến lúc số thọ dảm xuống vài, ba ngàn tuổi, lại gọi là thành Ba-ta-ly-tử, nhân cây Ba-tra-ly mà đặt tên. Sau khi Phật vào Niết-bàn 100 năm, có vua A-thâu-ca (Tàu dịch là vua Vô-uru, quen gọi là vua A-dục) tức là cháu vua Tần-ti bà-la, từ thành Vương-xá thiên-đô lại đây. đã lâu ngày lắm, nên bấy giờ chỉ còn nền cũ, 2, 300 ngôi chùa, chỉ còn có vài ba ngôi.

Phía Bắc cung thành ấy giáp sông Căng-già là bức thành nhỏ, trong thành có hơn 1000 cái nhà.

Phía Bắc cung ấy có cái cột đá, cao hơn 30 thước, tức là chỗ vua Vô-uru xây địa ngục ở đấy.

Pháp-sư lưu lại đó trong 7 ngày, chiêm lễ các thánh-tích.

Phía Nam Địa-ngục có một cái tháp, tức là một cái trong số 8100 cái vậy. Vua dùng nhân công xây lên, trong có một tượng « Xá-lý » của đức Như-lai, thường có hào-quang chiếu ra ngoài. Thờ đến một cái « tinh-xá », trong có viên đá đức Như-lai sáo lên. Có hai vết chân Phật, giải 1 thước 8 tấc, rộng 6 tấc. Dưới hai bàn chân có tướng khoáy chân như ngàn vành bánh xe, 10 đầu ngón chân có văn hoa chữ « vạn 卍 » còn rõ ràng cả. Đó là lúc Phật sắp vào Niết-bàn, đi từ thành Phệ-xá-li, đến bờ sông phía Nam thì đứng trên một hòn đá vuông lớn đọa lại bảo ngài Át-nan rằng :

— Đây là một cái dấu vết 'a nhìn lại tòa Kim-cương và thành Vương-xá một lần cuối cùng đây.

Phía Bắc « tinh-xá » có một cái cột đá, cao hơn 30 thước, ghi chép rõ sự vua Vô-ưu 3 lần đem của báu châu Nam-thiền cúng Phật, Pháp Tăng và ba lần cầu tự Vi thế nên ở phía Đông nam thành còn có cái nền chùa Kuei-t-chi-a-a-lam-ma (Kê viên) là cái chùa của vua Vô-ưu làm nên, mời hàng ngàn sư về mà cúng dâng đủ bốn thứ.

Những thánh tích ấy, phải dừng lại 7 ngày mới chiêm lễ khắp.

Lại đi về phía Tây-nam độ 6, 7 do tuần đến thành Đề-la-chích-ca. Trong chùa có đến 30 vị học thông Tam- tạng, nghe tin Piáp sư đến, đều ra đón rước tử tế.

Từ đó lại đi về phía Nam độ hơn 100 dặm, đến cây hồ-đồ, xung quanh cây xây tường gạch, rất cao rất bền. Phía đông, tây giới, phía nam, bắc hẹp, chính cửa đông trông thẳng ra sông Ni-liên, cửa nam liền ao Đệ-hoa. Phía tây hiểm chỗ, phía bắc thông sang một ngôi chùa lớn, trong có rất nhiều thánh tích hoặc tinh-xá, hoặc tháp của các vua các Đại-thần và các nhà bảo phủ hàm mộ đức thánh phát làm làm nền để làm kỷ-niệm.

(còn nữa)

VIỆT-NAM. THIÊN-TÔNG THE-HỆ

(tiếp theo)

(Phái Ti-ni-da-lưu-chi)

Đời thứ 14, có bốn vị mà chép thiếu hai

1. Thiên ông Đạo chỉ 禪翁道旨

Thiên ông Đạo chỉ người là họ Lã, người làng Cổ-pháp, trụ ở chùa Xong lâm, làng Phù-ninh, phủ Thiên Đức.

Từ thuở còn nhỏ, Người đã lánh tục đi tu, sau theo học Đinh Trương lão và xin xuất gia, ít lâu thì đắc pháp. Năm Kỷ mao niên hiện Thái bình đời nhà Đinh Người tịch, thọ 78 tuổi.

2. Sùng-phạm 崇範 Thiên-sư

Sùng phạm Thiên sư trụ ở chùa Pháp vân, làng Cổ-châu, xứ Long biên. Người vốn họ là Mậu, trạng mạo tươi tốt, tai rủ đến vai. Mới xuất gia Người tham học Hương thành vô ngại Thiên sư Khi đã ngộ được tâm ấn rồi, Người bèn đi sang chơi khắp nước Tái-trúc để cầu cho rộng kiến văn, ở Thiên trúc được 9 năm thì trở về, Người kiêm tinh cả về hai môn học giới và định. Bèn sai pháp vũ ở chùa Pháp vân. Học giả theo đến đông lắm. Vua Đại hành Hoàng đế mấy lần cho vời Người vào cửa quyết đề hỏi đạo. Đức vua lấy lễ đãi Người rất long trọng. Đến năm Đinh mao niên hiệu Quảng hựu thứ ba đời nhà Lý, Người tịch. Thọ 84 tuổi. Vua Lý nhân tông có bài kệ truy tặng Người rằng:

崇範居南國 Sùng phạm cư Nam quốc,
心空門弟歸 Tâm không môn đệ qui.
耳長回瑞質 Nhĩ trường hồi Thụy chất,
法法盡離微 Pháp pháp tận ly vi.

DỊCH :

Nước Nam thầy Sùng phạm,
Đạo cả học trò đồng.

Tai thày như lai Phật,

Thày hiểu pháp tới cùng.

Đời thứ 12, có bốn vị chép thiếu hai vị.

Vạn-hạnh 萬行 Thiên-sư

Vạn-hạnh Thiên sư trụ tại chùa Lục tổ làng Dịch bằng phủ Thiên đức.

Thiên sư vốn quê ở Cổ pháp, nhà họ Nguyễn, đời đời tin theo đạo Phật. Thiên sư tuổi còn nhỏ đã khác thường thông khắp ba môn học giới định tuệ. Nghiên cứu cả các sách luận mà coi sự giàu sang xe ngựa không vào đầu 21 tuổi xuất gia cùng bạn là Địch tuệ cùng học. Thiên ông Đạo chỉ ở chùa Lục tổ. Ngoài khi nâng khăn sách dẹp nầu thầy ra là chuyên cần về việc học hành không biết mỏi. Sau khi Thiên ông tịch rồi, người chuyên tập về phép Tống tử tam má địa mà lấy phép ấy làm hồn-phân của mình phải học. Mỗi khi Người nói ra ời nào là đời cho làm câu Xám-vấn. Vua Đại-hành Hoằng-đế nhà Lê rất tôn-kính Người lắm. Năm Thiên-phúc nguyên niên, Hầu-nhân-Bảo nhà Tống đem binh sang ăn cướp nước ta, quân Tống đóng tại núi Cương-giáp-lăng 綱甲浪. Hoằng-đế triệu Thiên-sư vào hỏi xem quân ta thắng hay bại. Người lâu rằng :

— « Chỉ trong ba bảy ngày là giặc tắt lui ».

Sau quả nhiên như vậy. Lại đến khi vua muốn đánh nước Chiêm-thành mà triều-đình-ban chưa quyết xong. Thiên sư lâu xin vua cử binh đi ngay kéo lờ cơ hội. Trận ấy quả nhiên quân ta thắng.

Bấy giờ có kẻ gian-nhân là Đỗ-ngâu 杜銀 định mưu làm hại Vạn-hạnh Thiên-sư, Người xét biết từ trước khi việc nó chưa thi hành, Người đưa cho nó bài kệ rằng :

土木相生銀畔金,

Thổ mộc tương sinh ngân畔 kim (cám).

爲何謀我蘊靈禪.

Vì hà mưu ngã uẩn linh khâm.

當時五口秋心絕。

Đương thời ngũ khẩu thu tâm tuyệt,

真至未來不恨心。

Chân chí vị lai bất hận tâm.

Bài kệ này triết tự cái tên 杜銀 của người ấy ra mà nói : 土 thổ mộc, 金 là giống tương sinh với nhau. 木 thổ mộc tức là chữ 杜 Đỗ là họ người ấy, 銀 ngân và loài 金 kim và là tên người ấy. Thế thì đã tương sinh sao lại trực tương-hại ngay vào mình.

Đỗ-Ngân đọc kệ, thấy cái mưu mình định làm hại Vạn hạnh Thiền sư chưa lộ mà sao Người đã biết thì hẳn sợ hãi bèn đình chỉ ngay mưu ấy. Ấy đại loại những điều Ngài tiên tri là như thế.

Bấy giờ về đời Ngọa triều, ở rất tàn bạo, lòng người đều chán ghét Lý thái tổ chưa thiện-vị còn đương làm chức Thân-vệ. Những điềm hay điềm dở hiện ra nhiều lắm. Như ở viện Hàm-loại 咸遂, chùa Thái-tâm 太心, làng Cổ-pháp có một con chó trắng trên lưng hiện văn đen thành hai chữ 天子 Thiên tử. Xét danh cây gạo hiện ra thành nét chữ 國 quốc. Người ta cứ nhân thấy những vết tích như thế mà làm ra thành chữ, đều tỏ ra cái triêu nhà Lê黎 đồ, nhà Lý李 lên cá. Cho nên đến hôm Lý Thái-tổ sắp lên ngôi, Vạn hạnh Thiền-sư hiện ở chùa Lục-tổ mà Người đã biết trước rồi. Người bảo hai ông Vương tức là hai vị bá thúc của Lý Thái-Tổ rằng : « Thiên tử băng rồi, Lý Thân-vệ đang túc-chức ở trong thành, chỉ vài hôm nữa là Thân-vệ được thiên-hạ ». Người bèn cho yết ra các nơi đường cái rằng :

樊蔡沉比水 Tật lê trầm bắc thủy.

李子樹南天 Lý-tử thụ nam-thiên.

四方干戈靜 Từ phương can qua tĩnh,

八表賀平安 Bát biểu hạ bình an.

Ý bài này 蕤藜 tạt lê nguyên nghĩa là cây cỏ, quả có gai, mà nghĩa biểu ngâm thì chữ Lê 藜 là nhà Lê. Lý-tử 李子 nguyên nghĩa là họet mận mà nghĩa biểu ngâm thì chữ Lý 李 là họ Lý.

Hai ông Vương ấy nghe nói, sợ hãi lắm, sai người ra kính-dò hỏi tin thì quả như lời Vạn-hạnh Thiên-sư nói. Sau đến năm Ưng-thiên thứ 9 ngày 15 tháng 5, Vạn-hạnh Thiên-sư đáng không có tật bệnh gì, tự đọc ra bài kệ rằng :

身如電影有還無,

Tân như điện, ảnh hū hoàn vô,

萬木春榮秋又枯.

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô

任運盛衰無怖畏,

Nhiệm-vận thịnh suy vô phở úy,

盛衰如露草頭鋪.

Thịnh suy như lộ thảo đầu phồ.

DỊCH :

Thân như chiếc bóng thoáng qua,

Cỏ, xuân non tốt, thu già rụng rơi.

Xá chi suy-thịnh việc đời,

Thịnh suy như hạt nước phơi dầu cảnh.

Vạn-hạnh Thiên-sư lại dạy các đồ-đệ rằng :

— « Các ông muốn trụ vào đâu ? Tôi đây không trụ vào chỗ số-trụ mà cũng không trụ vào chỗ vô-trụ. »

Nói rồi được một lát người tịch. Vua và sĩ thứ rước di-thể người lên đàn hỏa rồi nhật xá-ly xây tháp để thờ. Vua Lý-nhân-tông có bài kệ truy-tặng Vạn-hạnh Thiê : sư rằng :

萬行融三際 Vạn-hạnh đồng tam tế.
 真符古讖襖 Chân phù cổ xấm cơ (ky).
 鄉圖名古法 Hương-quan danh cổ-pháp,
 柱錫鎮王畿 Trụ tích chấn vương-kỳ.

DỊCH :

Vạn-hạnh học bao la,
 Cơ màu hợp phù-xuân.
 Cổ-pháp sáng tên làng,
 Vương-kỳ xa linh-chấn.

ÁN : Hiền-Khánh Đại-vương tức là Lý Khánh-văn Thiên-sư, là vị sư độ cho Lý Công-Uân (Lý Thái-tổ) từ thừa sơ sinh. Lý Khánh-văn có hai em tức là hai ông Vương-Bá, Thúc. Bốn bài kệ chữ Nho nghe đọc ở mộ Hiền-khánh Đại-vương có chép ở sách Thiên-uyển tập anh cũ và hai bài kệ của Vạn-hạnh đoán nghĩa bốn bài kệ kia cũng chép ở đây. Đại khái đều là ý nói về cái diêm nhà Lý lên nối ngôi.

D. N. T.

THỜI SỰ

(Bản - báo tặng nhiều trang mục thời-sự này, để
 độc giả đọc một Đuốc-Tuệ mà được biết nhiều tin các
 báo và việc trong ngoài nước)

TIN TRONG NƯỚC

Tội buôn người, giết trẻ

Ninh bình. — Báo Đông-pháp ngày 4-8 đăng cái án bùa
 buôn người giết trẻ ở tòa nam-á 1 Ninh-bình thực là đáng
 tội. Nguyên-do vụ án ấy như sau này : Mụ Vả thị Được

là đầu đảng buôn người, quê ở làng Tùỵ hối, huyện Giá
viễn, Ninh-bình. Hồi đầu năm nay nó đến chợ Gián-khẩu
đỡ một con bé độ 10 tuổi đưa về nhà, rồi giao cho hai
tên là Nguyễn Văn Chấm và Trần Văn Tý và một con bé
nữa là Thị Tôn cũng do nó đỡ được ở chợ Phú-cam, đem
vào Thanh Hóa bán. Bán được Tại Tôn rồi nhưng Thị Tôn
khóc quá chúng phải đem về gửi một nơi. Còn con bé
vô-danh, chúng bán cho Đinh Văn Tường xã Sơn đố, giá
3\$, nhưng Tường mới giá 2\$, còn 1\$, bèn con bé có
chịu ở s: giá nốt. Con bé cứ nâng nặc đòi về, Tường
phải nhằn Chấm và Tý đưa tiền vào giá và đem người về.
Uất vì nuốt tiền không trôi lại nhọc công đi lại, đầu con
bé đến nửa đường, chúng lấy roi đánh con bé đến chết
ngất đi rồi quăng ra khe núi thuộc làng Đông-hội (Thanh-
hóa). Sáng hôm sau Lý trưởng xã ấy thấy con bé ngẫ-
ngoài ở khe núi bèn công về nhà đỡ cháo cho ăn con bé
lành lại, hồi thì nó nói đầu đuôi. Lý-trưởng liền đòi 2
tên ấy. Tý trốn, Chấm đến. Lý-trưởng giữ thế và giao
Chấm phải đem con bé về nuôi trong 20 ngày cho bình
phục sẽ giả thế. Đưa con bé ra khỏi đầu làng Đông-hội,
Chấm gặp Tý định cùng đưa về nhà Tý. Giữa đường cầu
tiết chúng lấy roi bành hạ con bé một trận rồi quật đầu
nó vào núi đá vỡ sọ lòi con người ra, con bé chết. Đoạn
chúng ném xác con bé xuống bên đường thuộc xã Yên-
lại, phủ Nho-quan.

Việc đến tòa, chúng bị bắt giam, tên Tý đã bỏ mạng
trong lao. Ngày 2-8 vừa rồi tòa Nam-án Ninh-bình xử vụ
án này. Người vào xem đông lắm vì thấy sự tàn ác lạ
thường. Tòa kết tên Chấm tội tử hình. Vũ thị Được 5 năm
tù, 5 năm quản thúc và 100\$ liên phạt, Tên đồng đảng nữa
là Đinh Văn Tại 2 năm tù và 100\$, những người mua trẻ
có trát đòi đều không đến, đều bị kết án vắng mặt 2 năm
tù. Tên Tý chết rồi thì miễn nghị. Tự do đáng tội. Cái ác tục
đồ người đem bán sang Tàu ở Hải-phong mới đây vẫn sảy
ra. Độ này ở trung châu lại cũng có bọn đồ người đem

bàn ở các miền Hưng-hóa. Vậy muốn trừ cái ác lệ buôn người, không gì bằng các nhà mua người nên trông giong cái án những người mua con trẻ trong vụ này.

Tin thêm về đảo Tây-sa

Bảo hộ tนาย mặt nước Nam đã cho tàu chiến ra trú phòng và cho hiển binh lên một hòn trong quần đảo Tây-sa giữ quyền địa chủ. Người Nhật trước còn kháng nghị, sau cũng êm, xin lĩnh nước Pháp bảo-hộ cho Nhật-kiều lấy chất bòn ở đây và xin cấp cho họ ít sắt. Ngày 15-7 vừa rồi người Nhật đem tàu chiến đến chiếm lấy một hòn đảo khác ở trong quần đảo Tây-sa. Trong quần đảo Tây-sa này có hai hòn to còn thì bé nhỏ quá và có nhiều hòn còn lơ lửng dưới nước. Bảo-hộ giữ được một hòn to ở ngay giữa đường tàu đi Hồng-kông - Saigon, còn hòn kia thì ở cách xa, xẽ về mé đông.

Nếu diên cố mà có thể-lực trong quyền sở hữu đảo Tây-sa tức Hoàng-xa này, phi nước Nam không còn ai nữa. Bởi vậy các báo đã lục đăng hết những văn-thư của bản triều có can hệ đến đảo Hoàng-xa ra. Nhưng một cái chú-thư vừa lâu vừa có giá trị hơn cả là ở trong sách « **Phủ biên tạp lục** » của Cụ Lê-quí-Đôn, chép từ Hậu Lê, nói về chúa Nguyễn đệ niên cho đội lính làng An-bình, Quảng-ngãi ra quần đảo Hoàng-xa lấy hải vật, có cả đoạn công văn chúa Nguyễn sai quan phúc đáp quan Huyện bên Tàu hộ tống 2 tên lính đội Hoàng-xa bị bão rạt sang bên ấy về nước ta. Việc vào năm Càn-long thứ 19 (1754). Báo Tiếng-dân đã lục trưng. Coi đó biết cái học cụ Lê Quế-tường thực-dụng là đường nào.

Bệnh dịch hoành hành tại Vinh (Nghệ-an)

Ở Vinh - Bệnh dịch tả rất dữ. Báo Tiếng dân ngày 30 Juillet nói trong 10 phố chỗ nào cũng có người bị bệnh dịch. Chứng này bắt đầu do các vùng nhà quê phát ra, nhiều người bị chết, rồi lán vào thành phố, đầu

sự lo sợ lắm. Ở các vùng nhà quê như Phú-diễn, An-sơn, Thanh-chương mỗi hạt hàng trăm người chết. Hiện đang hành trùng ở Nam-đầu, có làng mỗi tuần hàng 2, 3 chục người chết. Dân đang cầu nhà nước cấp cứu, Tin mới đây, 27 người bị dịch tả đưa vào nhà thương Vinh, 24 người chết.

Quan Huyện Phú-vang với 3 vạn bạc thuế

Huế — 287 Quan Huyện Phú-vang, Tôn-thất-Kiều mang 37.000. thuế của dân lên Huế nộp vào kho bạc tỉnh Thừa thiên. Quan Huyện đi ô-tô với tên lính hầu, xe đến ngang cửa nhà thờ Cụ Thượng Nguyễn-khoa Tân (Huế) thì phát hỏa. Quan Huyện nói số bạc thuế hơn 3 vạn ấy bị cháy, nhưng quan Công-sứ Thừa thiên và sở Liêm-phóng xét thấy những cái đinh ghim giấy bạc bị cháy còn lại ít lắm. Nên quan Huyện đã bị gọi ra tòa án Tourane.

Nhà cho vay lãi 50 phần trăm bị bắt

Ninh-bình. Ông Vũ duy Thuần huyện Kim-sơn, năm 1929 có vay của ông Lê-xuân-Khanh cùng huyện 100 thùng thóc lãi mỗi năm 50%. và viết đơn mại một mẫu hỗn sào ruộng làm đảm-bảo. Từ đấy đến nay năm nào Thuần cũng trả lãi cộng được 200 thùng thóc rồi. Tháng trước Thuần đến tính trả gốc lãi thì Khanh đòi thêm 20\$ tiền phí trước bạ cái ruộng ký cược ấy. Thuần vội xin viết chịu lại nợ thóc và bấm người đi mật báo quan Huyện Kim-sơn. Quan Huyện về bắt được 1 quyển sổ tay ghi tên các người vay và những số bạc thực vốn, 6 cái hộp đựng văn-tự đều viết không đúng với thực vốn. Ví dụ vay 50\$ phải viết đơn mại mẫu ruộng là 150\$ Lại có 9 bức văn tự có ký tên người vay mà đề trống ngày đó là đề nếu bắt bìa tại điền ngày mà đòi nợ. Quan Huyện giữ lấy những tang vật ấy. Khanh chống cự đanh giăng lại quyền sổ tay nhưng bị Quan Huyện tịch thu được đem về huyện Kinh-tế càng ngày khó khăn, cái nạn cho vay lãi nặng càng khốc-liệt. Ôi! của chung đồng-lũn, làm gì mà tạo nghiệp vào mình.

Máy se dây gai mới sáng chế

Dây gai buộc gói hàng hóa ngày nay cần nhiều mà ở Bắc-kỳ có vài làng làm nghề ấy, làm bằng tay đã chậm lại vụng và nhuộm màu không tóe, không đủ cạnh tranh được với dây gai nhập cảng. Nay sở Canh-nông đã cử hai ông Jeannin và Nguyễn Văn Tông về làng Ô-cách nơi làm nghề se dây gai ở Huyện Gia-lâm nghiên cứu. Hai ông đã nghĩ chế ra được cái máy đóng bằng gỗ giản-dị mà se được nhanh và đẹp. Hôm vừa rồi đã bày triển-lãm cho người vào xem. Thực là một mối lợi lớn cho kỹ nghệ gia đình-xứ này.

Đám cướp ghê gớm trên xe hỏa

Saigon. - Chuyển xe lửa riêng ở hàng hóa Saigon Phan-thiết đêm 2-7, lúc 12 giờ khuya. Trong xe có một bà già độ 50 tuổi ở Phan-thiết đưa một thuyến gạo đi bán xong trở về. Xe về giữa đường, toa vắng, quân gian sỏ bà già xuống vệ đường xe, giết chết lấy hết vòng vàng và bạc, cắt một bên tai mà lấy hoa tai vàng. Người ta lấy làm ghê gớm cho là không kém cướp ở Hoa-kỳ.

Cái tai nạn 13 làng ngập lụt

Bắc-ninh. Vừa mới đây, chỗ đê Hữu-ái bị vỡ rầm ngoài 13 làng ở ngoại đê, có một cái tiêu tối bao lấy. Hồi đầu vụ mưa, nước sông đương lên to tràn qua đê vào làm 13 làng ngập lụt, mất cả mùa màng lúa chiêm sắp gặt hại mất 2 phần 3, 13 làng là Trì-hị, Ích-nhị, Phú-ninh, Đông-cao, Lập-ái, Hữu-ái, Do tràng, Thị-thôn, Từ-ái, Trần-xá, Ngâm mạc, Cổ-thiết và Đại-lai, không có cống tiêu nước ra, 13 làng thành như cái cù lao nhỏ giữa hồ. Vườn ngập, nhà trôi, lúa mất, làng gần đê thì ra ùm lều ở trú tại bờ đê với nhau, làng ở xa đê thì đưa nhau tản đi trú ngụ các nơi quen thuộc trong hạt. Người chết không có chỗ chôn. Một cái mồi mới vùi nong ở bờ bồi bị sóng nước đánh trôi đi mất. Nay dân mong Nhà nước cho hàn lại đê và xây cống thoát nước, không thì

dân 13 lãng ấy phải ly-tán mà bỏ một khu đang thịnh-vượng thành hoang phế, neoh nhóc biết bao. Không biết số Công-chính hạt ấy để ý cứu nạn lụt và nạn úng thủy cho dân chưa.

Lại dám cướp buồn cười

Quảng-nam. - Ở làng Phú cường có đám ma mời thầy địa tìm huyệt. Tròn cất xong, theo lệ nhà tang cho đưa thủ lợn, xôi, rượu đến giã lễ thầy.

Giữa đường gặp bọn đàn anh đang ngồi ở đềm làng, thấy cái lễ ngou lảnh ngựa mất, nhằm vào lúc họ đang bị kiến bò bụng, liền ra cướp lấy cái lễ thủ lợn ấy và đánh chén với nhau. Vài hôm sau ông thầy địa đến trách nhà chủ bạc tình không có lễ tạ và chửi bới om xòm. Cái cướp nực cười thay! Thế mới đáng nghĩa 2 chữ « ăn cướp ».

TIN THẾ-GIỚI

Về Âu châu

Số tử-trận tại Tây-ban-nha

Hai năm nay cuộc nội chiến đã sát hại nhân dân Tây-ban-nha tới một số khá ghê. Theo báo Điện-tín đã đăng ngày 20-7 thì :

400.000 chiến-sĩ thiệt mạng, trong có 250.000 quân Chính-phủ và 450.000 quân khởi loạn - 120.000 người bị trọng thương do cả hai bên. Tổng cộng 1600.000 người đã vùi thân nơi chiến-địa hoặc bị tàn tật suốt đời. Ngoài ra già trẻ gái trai lương dân bị chết lây bởi những quả bom tàn ác của viện binh Đức, Ý giúp loạn quân rơi xuống thành thị chưa kể là bao nhiêu. Nay quân bên Chính-phủ đã sảo thắng, cuộc giết giặc lẫn nhau sẽ càng thêm kịch liệt Ôi thảm khốc thay ! Bao giờ như đức giới sát của đạo Phật cảm hóa ra khắp nhân loại, thì thế giới mới thực được hưởng phúc yên vui.

Pháp trừ hoạch thiên đô

Theo báo Đông Pháp, 8 Août, tin Paris (tin Đức) cứ tờ Tuần-báo Pháp là « Chóc », ông Daladier đã hạ lệnh

cho các nhân viên các bộ không được bỏ Paris đi đâu trong tháng Aoút này. Nghe đâu Thủ-tướng đang trù-hoạch một chương trình thiên các cơ quan chính ở Pháp đi lĩnh khác nếu gặp chiến tranh, đồng thời các sĩ-quan không được nghỉ trong tháng Aoút.

Việc Nhật Nga xung đột

Sau khi quân Nga chiếm đỗi Trương-cao-phong đất biên giới Mãn-châu giáp đất Nga. Nhật cho 2 sư giả sang bên quân Nga kháng nghị không xong. Tin Bắc-binh (Tin Pháp) ngày 31-7, quân Nhật đã đuổi được quân Nga mà lấy lại đỗi Trương cao phong. Kế tin Đông-kinh nói quân Nga nã trái phá vào các làng Triều tiên ở Kojo và Sozan. Nhật cho việc bắn đó là quan hệ, họ quyết hi sinh đỗi lại.

Trận xung đột ở Trương cao phong này, tin Đông-kinh (tin của Anh) nói cứ tin Binh nhượng báo về thì quân Nhật-Mãn đánh lấy lại Trương cao phong và Sa-thảo-phong, quân Nga bị chết và bị thương hơn 200 người, quân Nhật cướp được 11 cỗ xe tăng, 2 cỗ đại bác và súng liên thanh 2 khẩu. Còn tin bên quân Nga thì trái lại, nói quân Nhật bị chết và bị thương còn nhiều gấp đôi số ấy. — Dự luận thế giới rất chú trọng về việc Nhật, Nga xung đột này. Thuyết thì nói sẽ trở nên cuộc đại chiến thứ hai, vì Nga dưỡng uy sức nhuệ đã lâu, nay được dịp Nhật đánh Tàu bị hao tổn đã nhiều, Nga bèn nhớ ra đánh Nhật để tuyệt-sĩ trận năm 1904-1905. Vả Tàu mất thì Nga cũng bị hãm vào trong cái khu-vực Bắc-băng-dương, không lối tìm ra tung-boành ở Thái bình dương được, thì thế nào Nga cũng đánh Nhật chuyển này. Thuyết thì cho rằng, Nga tuy cường ở trong nước, nhưng về miền Viễn-đông vẫn lảỉ xa xăm, chỉ có một đường xe lửa Tây-bá-ly-á dễ bị tàu bay bên địch thả bom làm đoạn triệt. Thành Hải-xâm uy ở mé bể gần Nhật thì cũng không lấy gì làm nơi phòng thủ vạn toàn. Lại ngay bên kề nách

thì phe Nhật là Đức đã trực sẵn hễ nga đánh Nhật, là Đức đánh Nga ngay. Nên Pháp cũng khuyên Nga không nên đánh Nhật, nếu thua thì mất cả uy thế. Vậy Nga gây việc với Nhật chỉ là để hoãn việc Nhật đánh Hán-khẩu cho Tàu đó thôi. Còn Nhật tuy cho Nga gây sự việc Trương cao phong như đưa trẻ ốm nghịch lửa, nhưng kỳ thực Nhật đương mắc việc đánh Tàu tất cũng muốn xếp việc biên giới với Nga cho xong xuôi. Như vậy cuộc thế giới đại chiến chưa có ngay được.

Việc Trung Nhật sung đột

Nga giúp Tàu, Đức Ý giúp Nhật

Nga tải khí giới giúp Tàu ngày càng nhiều. Võ quan Nga huấn luyện quân Tàu tại Hán khẩu đông lắm. Phe Nhật thì máy bay Đức, Ý giúp Nhật đánh Tàu cũng không ít Họ phân ra đi đánh những thành trấn lớn cho giảm sức hội chiến của quân Tàu đi. Trận máy bay đánh Hán-khẩu ngày 26-7 có 39 chiếc thì xét ra tới 27 chiếc của Đức Ý. Có tin Pháp nói nếu Đức, Ý giúp Nhật ra mặt thì Pháp không nghe.

Nhật tăng binh đánh Cửu-giang

Hán-Khẩu và đổi chủ trưởng

Hán khẩu in 25-7, quân Tàu với quân Nhật đánh nhau ở gần Cửu-giang, quân Nhật đã đổ bộ ở Cờ đường. Mặc dầu phi cơ, chiến hạm của Nhật tiến rất dữ mà quân Tàu kháng cự vẫn rất hăng. Theo tin người nước ngoài thì tàu chiến Nhật đã đến cách Cửu-giang độ 3 dặm đang nã súng lên thành Cửu-giang. Tất các nhà quân sự Tàu phải tự hồi hai dãy thủy lôi của cầu yếm ở sông Dương-tử dưới Cửu-giang vẫn còn nguyên thì quân Nhật làm thế nào tiến qua 2 hồ đó để vào Cửu-giang được. Nhà đương cục Tàu tuy đổ bộ rằng Nhật dùng 20 vạn quân để đánh Cửu-giang. Hán khẩu. Tin Đông-kinh, 28-7, Nhật lại cử Đại-tướng Trương-thôn sang Hoa-bắc thay Đại-tướng Tự-nội.

**QUI TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI
 CÔNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA
 TRUNG ƯƠNG**

Mme Hợp Lợi Phố thứ 4 Phú thọ	3\$00
Mme Hoàng thị Nhung 15 Rue du Papier	2.00
Mme Nguyễn thị Phúc 29 Phố Hàng Thiếc	1.00
Mme Tham Khánh 30 Đố hữu Vị	2.00
M. Bao, 154 Blockhaus Nord.	1.00
M. Đố công Đường 43 Đố hữu Vị	0.50
Mme Nguyễn Thanh 51 Rue Emile Nolly	0.50
Mme Tài Lâm Emile Nolly	0.50
Mme Trần thị Lộc, 20 Rue Tiên quân Thành.	1.00
Mme Nguyễn thị Tín, 152 Blockhaus Nord	1.00
Mme Trương	0.40
Mme Tống, Tuấn, Phố thứ năm Phú thọ	1.00
Mme Lý Ý Phố thứ sáu Phú thọ	2.00
Mme Chuyên Phú thọ	1.00
M. Nam Thịnh, 29 Phố Phúc Kiến.	1.00
Mme Nguyễn thị Chố, 17 Phố hàng Hành	1.00
Hiệu Đức Thăng 49 Phúc Kiến	1.00
Mlle Bùi bội Kính 32c Đố hữu Vị	1.00
Mme Lê thị Quý, 3 Rue Trần hưng Đạo	2.00
Mme Lai thị Lai 5 Rue des Vermicelles	1.00
Mme Thị My 23 Tiên quân Thành	0.50
Mme Thông Huấn, 21 Phạm phú Thứ	5.00
Mme Tử 48 Rue Antoine Bonnet	1.00
Mme Đố thị Nền, 32 Voie 104	1.00
M. & Mme Lê trung Hiếu 30 Voie 104	1.00
Mme Lê thị Ân 33 Rue du Charbon.	1.00
Mme Lê thị Út 30 Đố hữu Vị	1.00
Mme Hoàng thị Thoa	2.00

Mme Nguyễn thị Phương	2\$00
Mme Đỗ thị Cống 12 Phố Hàng gà	2.00
Mme Lê thị Miến Ngã tư sở	1.00
Mme Trịnh Phúc Lợi 7 Phố hàng ngang	60 00
Mme Nghĩa Lợi 65 Phố Thuốc Bắc	10.00
Mme Ha binh Kỳ 23 Rue de la Soie.	30.00
Mme Thụy thành 25 Rue de la soie	45.00
Mme Bùi thị Cả 33 Rue de la soie	40.00
Mme Phúc nguyên 51 Rue de la soie	10.00
M. An thành 41 Rue de la soie	45.00
Mme Đặng thị Khương 73 Rue de la soie	20.00
M Nguyễn Thuận 73 Rue de la soie	20.00
Hiệu Mỹ Lợi 19 Rue de la soie	10.00
Mme Nguyễn tường Long 19 Amiral Courbel	3.00
Mme Phong lợi Kỳ 22 Phố Hàng Ngang.	40.00
Mme Lưu thị Minh 26 Phố Hàng ngang	5.00
Mme Hà An thái 48 Phố Hàng ngang	5.00
Mme Cờng Thành, 62 Phố Hàng ngang	10.00
Mme Cát-Long 72 Phố Hàng gai	40.00
Mme Chí Lợi 66 Rue du Charbon.	10.00
Mme Quý Long, 101 Rue du Coton	5 00
Hiệu Tường An 22 Hàng gai	5.00
M. Nguyễn Công dit Thảo, 79 Rue de la Soie	10.00
Mme Phúc mỹ 62 Rue de la soie	2.00
Mme Bảo Kỳ, 36 Rue de Soie	2.00
Mme Vũ thị Riệu, 34 Rue de la Soie.	5.00
Mme Đức Lợi 12 Rue du Coton	40.00
Mme Nguyễn Long 85 Rue des Pipes.	5.00
M. Phạm văn Chung 20 Boulevard Carnot	5.00
Mme Đào Huân, 10 Rue des Vers blancs	2.00

(còn nữa)